



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2023



MỤC LỤC

03 CÁC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

04 THÔNG ĐIỆP TỔNG GIÁM ĐỐC

05 TỔNG QUAN

- 06 Thông tin về doanh nghiệp
- 07 Quá trình hình thành và phát triển
- 08 Mạng lưới hoạt động
- 08 Ngành nghề kinh doanh
- 09 Mô hình quản trị công ty
- 10 Cơ cấu tổ chức quản trị
- 15 Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
- 15 Các công ty con, công ty liên kết
- 15 Định hướng phát triển
- 16 Các rủi ro

17 BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

- 18 Kinh tế vĩ mô và TTCK Việt Nam
- 19 Kết quả kinh doanh năm 2023
- 20 Tổ chức và nhân sự
- 21 Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- 22 Các hoạt động của Công ty năm 2023
- 23 Tình hình tài chính
- 24 Cơ cấu cổ đông
- 25 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

26 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

29 ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

31 QUẢN TRỊ CÔNG TY

35 BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2023

CÁC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

VIS	Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam	GDKQ	Giao dịch ký quỹ
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	LNTT	Lợi nhuận trước thuế
HSX	Sở giao dịch Chứng khoán TPHCM	TMCP	Thương Mại Cổ Phần
HNX	Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	CNTT	Công nghệ thông tin
VSDC	Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam	GTGD	Giá trị giao dịch
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông	ROE	Tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu
HĐQT	Hội đồng quản trị	BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
TGD	Tổng Giám Đốc	BHXH	Bảo hiểm xã hội
TTCKVN	Thị trường chứng khoán Việt Nam	BHYT	Bảo hiểm Y Tế
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội	CPI	Chỉ số giá tiêu dùng



THÔNG DIỆP TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính gửi Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Nhà đầu tư và toàn thể Cán bộ nhân viên!



Trong năm 2023, chúng ta đã chứng kiến một bức tranh kinh tế toàn cầu đầy thách thức. Trong bối cảnh xung đột địa-chính trị vẫn diễn ra căng thẳng cùng các chính sách tiền tệ tiếp tục thắt chặt từ các ngân hàng trung ương trên toàn cầu, nền kinh tế Việt Nam không những không suy giảm mà còn tiếp tục duy trì và đạt được các kết quả khả quan. Sự bám sát các mục tiêu tăng trưởng kinh tế đã đề ra, nhờ vào chủ trương và chỉ đạo quyết liệt, kịp thời từ Chính Phủ cùng với các chính sách tiền tệ linh hoạt của Ngân hàng Nhà nước đã tạo nền tảng vững chắc cho các doanh nghiệp trong nước, bao gồm cả chúng ta, để tiếp tục vững bước phát triển.

Kết thúc năm 2023, VN-Index tăng trưởng 12,2% lên 1.129,93 điểm, mặc dù thanh khoản sụt giảm so với năm 2022. Thanh khoản bình quân 3 sàn chỉ đạt 17.630 tỷ đồng/phiên trong đó GTGD khớp lệnh đạt 15.669 tỷ đồng/phiên – cho thấy một sự thận trọng nhất định khi tăng trưởng kinh tế và khả năng cải thiện lợi nhuận của các doanh nghiệp trên sàn không được như kỳ vọng của giới đầu tư. Tổng vốn hóa thị trường đến hết năm 2023 đạt hơn 240 tỷ USD, tương đương 56,4% GDP, riêng sàn HOSE là 186 tỷ USD.

Năm 2024, Dự báo GDP Việt Nam sẽ khả quan với mục tiêu tăng trưởng 6- 6,5%, CPI được kiểm chế dưới 4%. Thị trường chứng khoán kỳ vọng hồi phục từ nền thấp từ cuối năm 2022 và giữ vững sự ổn định tăng trưởng từ 1200 - 1300. Định giá hiện tại của VN-Index đang ở mức xấp xỉ 13,5 lần P/E, thấp hơn 11,1% so với P/E trung bình 3 năm gần đây. Trong bối cảnh lãi suất thấp tiếp tục duy trì, lợi nhuận các doanh nghiệp niêm yết đang được cải thiện khi xuất khẩu và sản xuất phục hồi tích cực, thanh khoản chung của thị trường kì vọng sẽ tăng trưởng so với năm 2023.

Trước những diễn biến bất lợi của thị trường tài chính và thị trường chứng khoán, VIS đã nỗ lực triển khai hoạt động kinh doanh bám sát với định hướng đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Kết quả năm 2023, hoạt động kinh doanh của Công ty được duy trì ổn định. Đây là một kết quả rất đáng khích lệ khi quy mô thị trường giảm mạnh và nhiều biến động trên thị trường trong suốt năm qua. Tổng Doanh thu năm 2023 đạt 74,77 tỷ đồng, chỉ đạt 71% Doanh thu cùng kỳ năm 2022 và chỉ đạt 41% so với kế hoạch năm 2023. Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt gần 30,23 tỷ đồng, chỉ bằng 75% LNTT cùng kỳ năm 2022 và đạt 40% so với kế hoạch năm 2023. Chất lượng tài sản tốt, chủ yếu là tài sản sinh lời và có thanh khoản cao. Công ty sử dụng nguồn vốn an toàn, chủ yếu dùng Vốn chủ sở hữu tài trợ cho hoạt động kinh doanh.

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Điều Hành, tôi xin cảm ơn sự ủng hộ và tin tưởng của Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Nhà đầu tư và toàn thể Cán bộ nhân viên. Với niềm tin mạnh mẽ vào triển vọng dài hạn của thị trường chứng khoán Việt Nam, Công ty sẽ tiếp tục định hướng hoạt động dựa trên các giá trị cốt lõi của mình và tạo ra giá trị cho cổ đông VIS cũng như Quý Khách hàng và Nhà đầu tư của VIS.

Xin kính chúc Quý vị sức khỏe và thành công!

Tổng Giám Đốc


Dương Kỳ Hiệp



PHẦN 1

TỔNG QUAN

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán

Quốc tế Việt Nam (VIS)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam (VIS) được thành lập vào tháng 11/2006 theo Quyết định số 20/UBCK-GPHDKD của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, sửa đổi bổ sung gần nhất theo Quyết định số 31/GPĐC-UBCK cấp ngày 04/04/2022. Cổ đông sáng lập của VIS bao gồm các định chế tài chính và các doanh nhân thành đạt, giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và chứng khoán.



Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tên viết tắt: VIS

Vốn điều lệ tại 31/12/2023: 300.000.000.000 VND

Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2023: 396.001.034.669 VND

Trụ sở chính: Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Chi nhánh: Lầu 2, Tòa nhà 194 Nguyễn Công Trứ, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Số điện thoại: (84 24) 710 88848/ (84 28) 710 88848

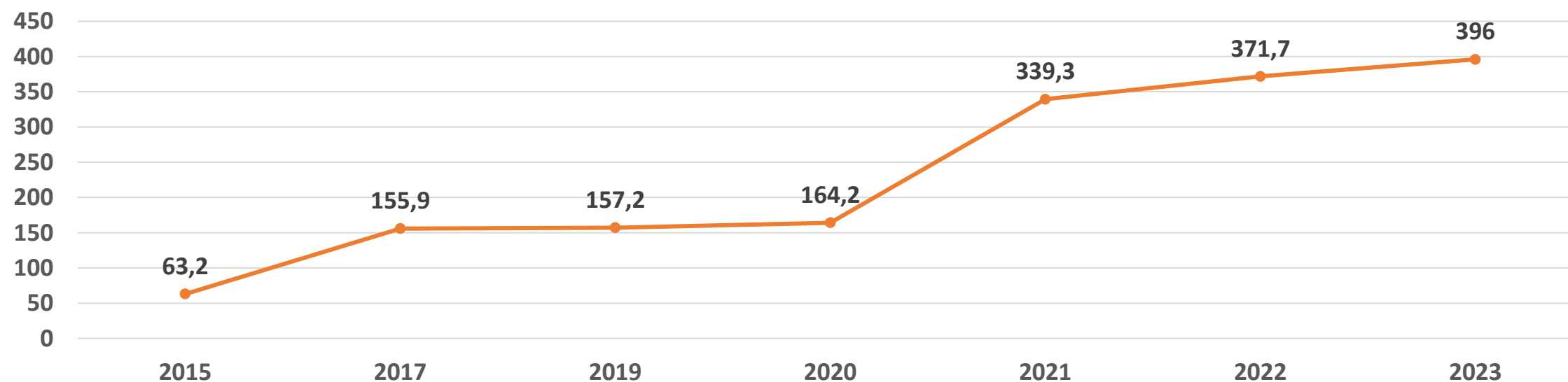
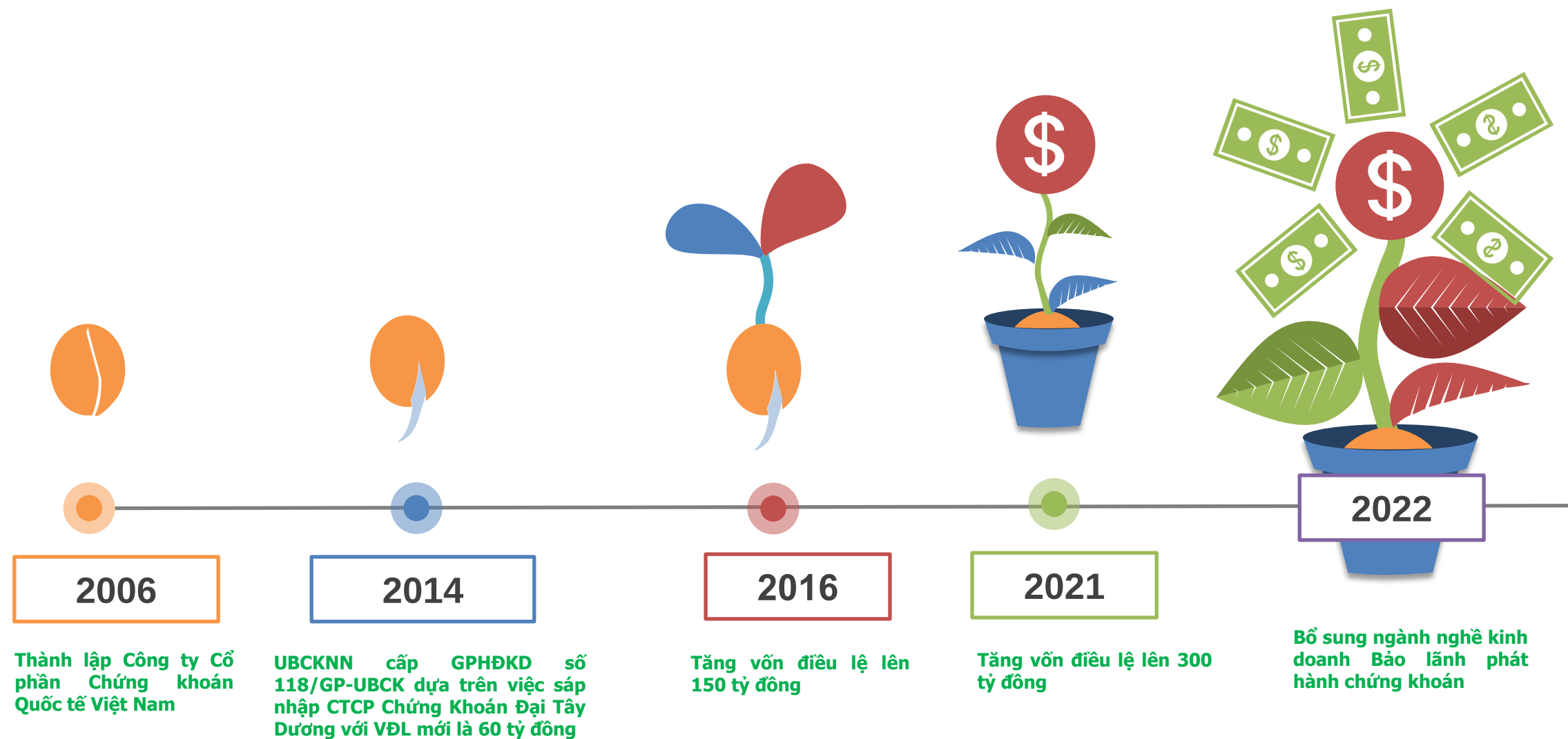
Số fax: (84 24) 3944 5889 / (84 28) 3915 2931

Website: www.vise.com.vn

Ngành nghề:

- ✓ Môi giới chứng khoán;
- ✓ Tự doanh chứng khoán;
- ✓ Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- ✓ Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- ✓ Các nghiệp vụ khác được pháp luật cho phép.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Vốn chủ sở hữu tăng từ năm 2015-2023

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

Dịch vụ môi giới

- Mở tài khoản giao dịch
- Môi giới: Cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ
- Tư vấn & quản lý tài khoản
- Quản lý giao dịch tiền
- Lưu ký
- Báo giá và quản lý sổ cổ đông cho cổ phiếu OTC
- Đại lý đấu giá IPO
- Phân phối Trái phiếu doanh nghiệp

TƯ VẤN ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

Dịch vụ tài chính

- Giao dịch ký quỹ
- Ứng trước tiền bán

Giao dịch điện tử

- Quản lý đa tài khoản: Quản lý đồng thời nhiều tài khoản trong cùng một phiên đăng nhập. Chuyển đổi qua lại dễ dàng giữa các tài khoản
- Cập nhật tin tức thời: Tự động cập nhật dữ liệu thị trường, thông tin doanh nghiệp, đồ thị chứng khoán theo thời gian thực. Hệ thống lọc cổ phiếu đa dụng, dễ dàng nắm xu hướng thị trường
- Tất cả trong một: Đa nhiệm với đầy đủ các tính năng đặt lệnh trước, ứng tiền mua chứng khoán. Các giao dịch tài chính nộp, rút tiền chứng khoán, chuyển khoản, lô lẻ, kết nối ebanking 24/7,...

TỰ DOANH CHỨNG KHOÁN

- Cổ phiếu
- Trái phiếu

BẢO LÃNH PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN

Tư vấn huy động vốn trên thị trường vốn trong và ngoài nước

- Tư vấn phát hành (đại chúng & riêng lẻ)
- Bảo lãnh phát hành
- Tư vấn thoái vốn

Tư vấn tài chính doanh nghiệp

- Khảo sát và đánh giá tổng thể tình hình của doanh nghiệp
- Tư vấn phương thức quản trị phù hợp với doanh nghiệp
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp, hệ thống quản trị tài chính và hệ thống kiểm soát nội bộ
- Tư vấn quảng bá hình ảnh của doanh nghiệp với công chúng
- Tư vấn hậu tái cấu trúc doanh nghiệp
- Tư vấn phát hành

Tư vấn mua bán & sáp nhập doanh nghiệp (M&A)

- Xây dựng chiến lược mua bán, sáp nhập doanh nghiệp và lựa chọn đối tượng
- Khảo sát và đánh giá doanh nghiệp
- Liên kết chiến lược
- Tư vấn pháp lý
- Định giá công ty
- Tư vấn xây dựng cấu trúc tài chính trước và sau khi mua bán, sáp nhập
- Thương thảo các điều kiện, điều khoản thực hiện thỏa thuận mua bán và sáp nhập
- Tư vấn quản trị Công ty

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Mô hình quản trị doanh nghiệp của VIS được xây dựng trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành và theo định hướng vận dụng các thông lệ quốc tế về quản trị doanh nghiệp. Tất cả các hoạt động của VIS đều được thực hiện căn cứ và tuân thủ đầy đủ Điều lệ Tổ chức hoạt động đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Công ty cũng ban hành hệ thống quy chế Quản trị nội bộ được áp dụng thống nhất, xuyên suốt các Phòng/Ban, Chi nhánh.



CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN TRỊ



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông VÕ QUANG LONG

Chủ tịch HĐQT

Ông **Võ Quang Long** – Chủ tịch HĐQT, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh. Ông Long đã có hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Ngân hàng – Bảo hiểm, đặc biệt ông từng giữ những chức vụ chủ chốt tại nhiều ngân hàng lớn trong nước như Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP HCM (HDBank), Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB).



Ông NGUYỄN THANH TUYỀN

Phó Chủ tịch HĐQT

Ông **Nguyễn Thanh Tuyền** – Phó chủ tịch HĐQT, Ông Tuyền là Thạc sĩ Tài chính có hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành Tài chính - Ngân hàng với hơn 15 năm gắn bó trong lĩnh vực chứng khoán. Ông từng giữ vị trí chủ chốt tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank), Công ty chứng khoán SBS, Công ty chứng khoán Viễn Đông..., trong đó có nhiều năm giữ vị trí Tổng giám đốc điều hành.

Ông Tuyền gắn bó với VIS từ năm 2015 với vị trí Tổng giám đốc và hiện đang đảm nhiệm vị trí Phó chủ tịch HĐQT VIS từ 2018 đến nay.



Ông CAO QUẾ LÂM

Thành viên HĐQT

Ông **Cao Quế Lâm** – Thành viên HĐQT, đã có hơn 15 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài chính - Chứng khoán. Với nhiều năm gắn bó, Ông Lâm đã có những đóng góp quan trọng cho sự ổn định và phát triển của VIS.

BAN KIỂM SOÁT



Ông ĐÀO DUY HẢI

Trưởng ban Kiểm soát

.....

Ông Đào Duy Hải, Thạc sĩ Kinh Tế. Ông Hải từng công tác tại nhiều tổ chức kinh tế như Công ty TNHH Kiểm toán A&C, Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB).



Ông TRẦN BÌNH ỔN

Thành viên ban Kiểm soát

.....

Ông Trần Bình Ổn là doanh nhân dày dạn kinh nghiệm và thành đạt tại Việt Nam. Ông nhiều năm là thành viên Ban kiểm soát của VIS và đã có nhiều đóng góp quan trọng cho sự ổn định và phát triển của VIS.



Bà NGUYỄN THỊ THU THỦY

Thành viên ban Kiểm soát

.....

Bà Nguyễn Thị Thu Thủy, đã có hơn 15 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài chính - Chứng khoán. Trong suốt quá trình công tác tại VIS, bà Thủy đã có những đóng góp to lớn cho sự ổn định và phát triển của VIS.

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông DƯƠNG KỲ HIỆP

Tổng giám đốc

Ông Dương Kỳ Hiệp đã có hơn 15 năm kinh nghiệm làm việc và giữ các vị trí chủ chốt tại Công ty Chứng khoán ngân hàng Sài Gòn Thương tín như Giám đốc Chi nhánh Sài Gòn, Giám đốc Khối Vận hành,... Ông đã có hơn 05 năm gắn bó với VIS ở vị trí Tổng giám đốc. Dưới sự điều hành của Ông, VIS đã có những chuyển biến tích cực, tạo dựng nền tảng ổn định để hướng đến sự phát triển mạnh mẽ trong tương lai.



Ông VĨNH BẢO QUỐC

Phó Tổng giám đốc

Ông Vĩnh Bảo Quốc đã có hơn 15 năm làm việc trong lĩnh vực Tài chính, Chứng khoán và hơn 05 năm gắn bó với VIS. Trước đó Ông từng giữ vị trí Trưởng phòng Quản lý rủi ro, Giám đốc Giám sát – Phụ trách rủi ro tại Công ty Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương tín.



Ông VŨ HOÀNG MINH

Phó Tổng giám đốc

Ông Vũ Hoàng Minh đã có gần 20 năm kinh nghiệm trong ngành tài chính, đặc biệt là mảng Tư vấn Doanh nghiệp (tư vấn mua bán và sáp nhập Doanh nghiệp, tư vấn chiến lược, tư vấn tái cấu trúc Doanh nghiệp...). Ông đã từng đảm nhiệm các vị trí quản lý quan trọng tại Công ty Chứng khoán Quốc tế Việt Nam, Công ty Chứng khoán Ngân hàng ACB.

CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ CỦA CÁC PHÒNG BAN



PHÒNG MÔI GIỚI

Môi giới, tư vấn đầu tư chứng khoán, phát triển và chào bán các sản phẩm, dịch vụ của Công ty. Tìm kiếm, kết nối và chăm sóc khách hàng là các nhà đầu tư có nhu cầu tham gia thị trường chứng khoán, có tiềm lực tài chính và kiến thức về chứng khoán, thị trường chứng khoán.

PHÒNG DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG

Hỗ trợ xử lý các giao dịch mua bán chứng khoán, thực hiện dịch vụ lưu ký, kế toán giao dịch và các dịch vụ chứng khoán hỗ trợ khác như cầm cố, thực hiện quyền, ứng trước...

PHÒNG TƯ VẤN TÀI CHÍNH

Cung cấp các dịch vụ tư vấn liên quan đến tài chính và quản trị doanh nghiệp cho khách hàng bao gồm các dịch vụ tư vấn chào bán, niêm yết chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn mua bán sáp nhập doanh nghiệp (M&A), tư vấn tái cấu trúc, quản trị công ty và định giá cổ phần.



PHÒNG QUẢN TRỊ RỦI RO

Thống kê, đánh giá và đo lường các hình thái rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động của các phòng/ban nghiệp vụ, kinh doanh. Đề xuất và triển khai các giải pháp phòng ngừa và hạn chế rủi ro. Giám sát hoạt động, đảm bảo các rủi ro được quản lý theo chính sách của Công ty và tuân thủ các quy định về quản trị rủi ro được ban hành trong toàn hệ thống.

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Hạch toán kế toán tài chính và kế toán quản trị; Phân tích và giám sát tài chính Công ty.

BP. KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Thực hiện và duy trì tính hợp lý về khả năng đạt được mục tiêu của đơn vị trong việc, đảm bảo độ tin cậy của báo cáo tài chính, đảm bảo hiệu quả, hiệu suất hoạt động, tuân thủ pháp luật và các quy định có liên quan.

PHÒNG PHÂN TÍCH

Thực hiện các hoạt động phân tích, nghiên cứu vĩ mô, thị trường, ngành, công ty, lập các báo cáo có liên quan và cung cấp thông tin, báo cáo cho các đối tượng sử dụng khác nhau trong và ngoài Công ty.

PHÒNG HÀNH CHÍNH NHÂN SỰ

Thực hiện các công việc hành chính văn phòng, tổ chức, quản lý và phát triển nguồn nhân lực của Công ty nhằm đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp luôn diễn ra liên tục, hiệu quả.

PHÒNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Đảm bảo duy trì hệ thống CNTT của Công ty, triển khai và phát triển các ứng dụng phục vụ hoạt động quản lý và kinh doanh của VIS.

TẦM NHÌN SỨ MỆNH GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TẦM NHÌN

Chúng tôi xây dựng Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam thành một Công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực chứng khoán – tài chính; cung cấp các dịch vụ tư vấn doanh nghiệp cũng như các dịch vụ, sản phẩm về thị trường vốn và thị trường nợ cho Khách hàng.

SỨ MỆNH

- Xây dựng một đội ngũ nhân lực có chuyên môn cao và tạo dựng một văn hóa kinh doanh chuyên nghiệp.
- Cung cấp các giải pháp thị trường vốn toàn diện, các tiện ích gia tăng và các dịch vụ đầu tư cho khách hàng.
- Thiết lập liên minh với các định chế tài chính, xây dựng cộng đồng các nhà đầu tư chuyên nghiệp tại Việt Nam.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

HƯỚNG ĐẾN KHÁCH HÀNG

Lợi ích của khách hàng là ưu tiên hàng đầu của VIS. Thành công của VIS đến từ thành công của khách hàng.

CÔNG BẰNG - TRUNG THỰC

Đây là các cốt lõi nền tảng trong quan hệ mà VIS xây dựng với khách hàng, với đối tác và nhân viên của VIS.

DỊCH VỤ HOÀN HẢO

VIS đo lường chất lượng dịch vụ của mình bằng chính giá trị mà VIS mang lại cho khách hàng.

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Không có

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Mục tiêu chủ yếu của công ty

Công ty được thành lập để hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đầu tư tài chính, chứng khoán với mục tiêu thu lợi nhuận; tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động; mang lại cổ tức cao cho các cổ đông; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Hướng tới mục tiêu trở thành một trong những Công ty chứng khoán lớn trên thị trường chứng khoán, từng bước nâng tầm vị thế trong hoạt động kinh doanh, VIS đã có những chiến lược trung và dài hạn tập trung vào việc xây dựng các yếu tố mang tính nền tảng như sau:

- **Nhân sự:** Phát triển đội ngũ nhân sự có chất lượng cao, luôn tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động cho toàn thể nhân sự của Công ty để có thể phát huy hết lợi thế của mình. Bên cạnh đó VIS luôn đề cao nền tảng đạo đức nghề nghiệp cho tất cả nhân sự của mình, nhằm đạt được sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng.
- **Công nghệ:** Xây dựng hệ thống công nghệ hỗ trợ tốt nhất cho các nhu cầu của khách hàng và vận hành Công ty. Đảm bảo cung cấp cho khách hàng hệ thống giao dịch thuận lợi, nhanh chóng, chính xác, an toàn và ổn định.
- **Sản phẩm:** Không ngừng hoàn thiện, phát triển và đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ cung cấp nhằm đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh với các Công ty chứng khoán khác. Luôn lấy sự hài lòng và lợi ích của khách hàng trong khuôn khổ của pháp luật để đánh giá sự thành công của sản phẩm.
- **Tài chính:** Tăng cường năng lực tài chính để đáp ứng được tốt nhất những yêu cầu về sản phẩm tài chính của khách hàng và về mục tiêu đầu tư kinh doanh của Công ty trong mọi tình huống.
- **Quản trị rủi ro:** Tăng cường năng lực quản trị rủi ro song song với việc nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- **Quản trị chi phí:** Kiểm soát chi phí chặt chẽ, giảm thiểu các chi phí không cần thiết

Các mục tiêu phát triển bền vững

VIS hoạt động kinh doanh trên nguyên tắc tuân thủ quy định của pháp luật và phù hợp với xu hướng phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Công ty luôn ưu tiên phát triển bền vững trên cơ sở xây dựng các giá trị cốt lõi của doanh nghiệp, bao gồm tài sản, con người và văn hóa Công ty. Trong ngắn hạn, Công ty tập trung xây dựng hệ thống quản trị minh bạch nhất có thể, đáp ứng được đầy đủ các quy định, tiêu chuẩn về minh bạch theo thông lệ tốt nhất. Đây chính là nền tảng đảm bảo cho cộng đồng nhà đầu tư, nhân viên Công ty tin tưởng vào hoạt động, sự phát triển của Công ty. Minh bạch cũng là một nội dung trong hoạt động xây dựng văn hóa Công ty.

CÁC RỦI RO

RỦI RO DO HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống, quy trình nghiệp vụ, lỗi hệ thống, quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp hoặc rủi ro do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ những khoản chi phí hoặc rủi ro, lỗi từ hoạt động đầu tư hoặc do các nguyên nhân khách quan khác, ví dụ: nhân viên gian lận, môi giới giả mạo chữ ký khách hàng, đặt nhầm lệnh... Để phòng tránh các rủi ro này, Công ty thường xuyên xây dựng, rà soát, cập nhật, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện hệ thống quy trình nghiệp vụ; Xây dựng phương án dự phòng cho các tình huống khẩn cấp; hệ thống dự phòng kỹ thuật, dữ liệu cho một số bộ phận nghiệp vụ; Thường xuyên đào tạo, tổ chức đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng mềm, đạo đức hành nghề cho cán bộ nhân viên; Xây dựng kế hoạch, huy động nguồn vốn cần thiết đáp ứng nhu cầu kinh doanh.

RỦI RO THANH TOÁN

Xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết, dẫn tới tổn thất về vốn cho Công ty. Rủi ro thanh toán xảy ra khi VIS cho phép khách hàng sử dụng đòn bẩy tài chính cao mà công tác quản trị rủi ro chưa theo sát nên phải gánh chịu các khoản lỗ khi khách hàng mất khả năng thanh toán. Công ty đã thực hiện xây dựng hành lang pháp lý trong các cam kết với đối tác, trong các điều khoản Hợp đồng đảm bảo có chế tài chặt chẽ, có biện pháp xử lý thích hợp nếu đối tác, khách hàng không thực hiện đúng cam kết thanh toán đúng hạn; Phân tích, đánh giá chính xác, theo dõi, cảnh báo sớm đối với loại tài sản nhận làm tài sản bảo đảm của khách hàng, đối tác; Xây dựng cơ chế bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các giao dịch với các đối tác và khách hàng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán của đối tác, khách hàng; Thường xuyên theo dõi, đảm bảo khách hàng, đối tác luôn thanh toán theo tiến độ hợp đồng để giảm thiểu rủi ro khó thu tiền của khách hàng; Cảnh báo sớm nếu có dấu hiệu khó thu hồi.

RỦI RO THANH KHOẢN

Xảy ra khi Công ty chứng khoán không cân đối kịp nguồn vốn để thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc các yêu cầu thanh toán của khách hàng do việc quản lý các khoản đầu tư tiền gửi, các khoản vay và cho vay thiếu chặt chẽ, hoặc do không quản lý tách bạch tiền của nhà đầu tư dẫn tới vô tình hoặc cố ý lạm dụng tiền gửi của khách hàng. Công ty chứng khoán cũng gặp rủi ro thanh khoản khi các tài sản mà Công ty đầu tư vào, hoặc các tài sản khách hàng sử dụng để đảm bảo các khoản vay có khả năng thanh khoản thấp, dẫn tới Công ty chứng khoán không thể chuyển đổi những tài sản này thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn khi thị trường thiếu hụt thanh khoản. Để quản trị rủi ro này, Công ty đã dự trữ nguồn tiền mặt cần thiết đảm bảo khả năng thanh khoản của VIS; Duy trì, đa dạng hóa đối tác cho VIS vay ngắn hạn với lãi suất hợp lý; Xây dựng hệ thống báo cáo thường xuyên, quản lý dòng tiền toàn Công ty, theo dõi trạng thái thanh khoản, cảnh báo sớm nếu có sự thiếu hụt thanh khoản trong tương lai; Luôn duy trì và đảm bảo tỷ lệ cao giữa tài sản ngắn hạn và dài hạn; Thường xuyên rà soát danh mục tài sản, danh mục đầu tư; Đa dạng hóa danh mục tài sản và công nợ theo hướng tăng tính thanh khoản. Trong trường hợp đặc biệt, VIS có thể chuyển nhượng, bán... được tài sản của mình để đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

RỦI RO PHÁP LÝ

Xảy ra khi Công ty vi phạm các quy định hiện hành dẫn tới thực hiện sai và các tranh chấp kiến tụng xảy ra. Việc tuân thủ các quy định hiện hành được Ban điều hành và bộ phận quản trị rủi ro luôn giám sát chặt chẽ, thường xuyên cập nhật các quy định pháp luật ban hành và có các hướng dẫn cụ thể cho các bộ phận có liên quan cập nhật và tuân thủ thực hiện. Ngoài ra, VIS tổ chức đào tạo nội bộ hoặc cử cán bộ nhân viên tham gia các khóa đào tạo liên quan tới những vấn đề pháp lý; Xây dựng hệ thống kiểm soát tuân thủ nội bộ; bộ phận Pháp chế hoạt động chuyên nghiệp có khả năng kiểm soát được các rủi ro pháp lý; Xây dựng, cập nhật các Quy chế, quy trình, Hợp đồng đảm bảo tuân thủ pháp luật, bảo vệ quyền lợi của Công ty; Cơ cấu tổ chức của Công ty theo hướng gọn nhẹ, phân chia trách nhiệm, quyền hạn rõ ràng; Thuê chuyên gia pháp lý, đơn vị tư vấn pháp lý để thực hiện một số vụ việc phức tạp (nếu cần).





PHẦN 2
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG
NĂM 2023

KINH TẾ VĨ MÔ NĂM 2023

- ❖ GDP Việt Nam năm 2023 tăng 5,05% so với năm trước. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83%, đóng góp 8,84%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,74%, đóng góp 28,87%; khu vực dịch vụ tăng 6,82%, đóng góp 62,29%.
- ❖ Bội chi ngân sách 2023 ước khoảng 4% GDP, nợ công 39-40% GDP, nợ Chính phủ 36-37% GDP; nợ nước ngoài quốc gia 37-38% GDP; nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ khoảng 20-21% tổng thu ngân sách Nhà nước.
- ❖ Trong năm nay kinh tế tăng trưởng dựa nhiều vào đầu tư công với việc thúc đẩy mạnh nhiều dự án lớn vào giai đoạn cuối năm. Tiếp cận tín dụng, hấp thụ vốn nền kinh tế vẫn khó khăn, khi dư nợ tín dụng thấp hơn cùng kỳ và tăng chậm. Việc xử lý ngân hàng yếu kém, cơ cấu lại các ngân hàng 0 đồng còn nhiều khó khăn. Thị trường bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp chuyển biến tích cực hơn, nhưng vẫn chưa có những giải pháp hữu hiệu để vực dậy thị trường.
- ❖ Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, kết quả giải ngân kế hoạch vốn ngân sách nhà nước 10 tháng năm 2023 của cả nước đạt hơn 389 nghìn tỷ đồng, bằng 55,02% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao. Ước giải ngân đến hết tháng 11 đạt gần 461 nghìn tỷ đồng, bằng 65,1% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, cao hơn 6,77% và cao hơn 122,6 nghìn tỷ về số tuyệt đối so với cùng kỳ năm 2022.
- ❖ Giải ngân đầu tư công vẫn còn chậm do nhiều nguyên nhân như các doanh nghiệp được giao mặt bằng sạch khá chậm, chủ yếu là nhỏ giọt, ngắt quãng. Điều này là nguyên nhân lớn cản trở các dự án đầu tư công từ trước đến nay. Một số vướng mắc khác bao gồm giá cả nguyên vật liệu biến động thất thường và thiếu thốn nguồn cung nguyên vật liệu.
- ❖ Một trong những vấn đề quan trọng để thúc đẩy kinh tế tăng trưởng đều và bền vững và việc phân bổ đầu tư công đồng đều giữa các địa phương, phân bổ vốn các dự án quan trọng, cấp thiết đáp ứng như cầu logistic đang cạnh tranh gay gắt hiện nay.
- ❖ Năm 2024 nhiều dự án lớn tiếp tục được đẩy mạnh như Sân bay Long Thành, nhà ga T3 sân bay Tân Sơn Nhất. Năm 2024 dự kiến có 19 dự án giao thông sẽ được khởi công bao gồm Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh, Chợ Mới - Bắc Kạn, Dầu Giây - Tân Phú, Cao Lãnh - Rạch Sỏi, đường Hồ Chí Minh đoạn Rạch Sỏi - Bến Nhất, Gò Quao - Vĩnh Thuận thuộc Kiên Giang và đoạn Chợ Chu - Ngã ba Trung Sơn qua Thái Nguyên, Tuyên Quang.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2023



- ❖ Năm 2023 thị trường giao dịch trên nền đáy thấp sụt giảm trong năm 2022 vì vậy có đoạn bứt phá mạnh từ tháng 5 – 8 nhưng sau đó cũng trôi đi một phần thành quả đạt được.
- ❖ Thanh khoản chung của thị trường năm 2023 không đạt ở mức quá cao nhưng cũng đã tăng đáng kể từ 20% - 30% so với 2022. Trung bình mỗi phiên giao dịch đạt khoảng 15 ngàn tỷ. Đây là tiền đề cho thị trường giao dịch sôi động hơn trong năm 2024.
- ❖ Với nền quanh vùng 1100, thị trường vẫn trên vùng tích lũy trung hạn và kỳ vọng sẽ có nhiều bứt phá lên nền cao hơn từ 1200 – 1300 trong năm 2024.

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2023

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2022	2023
1	Tổng Tài sản	461.826	607.158
2	Vốn chủ sở hữu	371.733	396.001
3	Vốn điều lệ	300.000	300.000
4	Tổng Doanh thu	105.474	74.774
5	Tổng Chi phí	65.088	44.549
6	Tổng Lợi nhuận trước thuế	40.386	30.226
7	Lợi nhuận sau thuế	32.465	24.267

Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2023

❖ Hoạt động môi giới:

- **Về định hướng chiến lược:** Hoạt động môi giới và giao dịch của VIS kế thừa nền tảng về khách hàng, hỗ trợ tài chính, đồng thời tiếp tục tập trung vào việc nâng cao chất lượng dịch vụ.
- **Về tổ chức hoạt động giao dịch chứng khoán:** Trong năm 2023, hoạt động giao dịch của VIS vẫn được duy trì ổn định. Các giao dịch tiền và chứng khoán của khách hàng được kiểm soát chặt chẽ, nhân viên giao dịch có tư cách đạo đức tốt, luôn tuân thủ các nguyên tắc về giao dịch nên trong năm 2023 không có bất cứ một trường hợp nào làm sai quy định của Công ty về tiền và chứng khoán của khách hàng.
- **Công tác kiểm soát:** Công tác kiểm soát luôn được chú trọng, kiểm soát chặt chẽ lệnh đặt của khách hàng trên cơ sở kiểm tra, giám sát các quy trình thực hiện nghiệp vụ, soát lệnh trên hệ thống.
- **Công tác quản trị rủi ro:** Luôn bám sát và nắm bắt mọi biến động của thị trường, chủ động đưa ra các kịch bản và giải pháp xử lý rủi ro cho từng giai đoạn của thị trường, hỗ trợ và giúp hoạt động môi giới an toàn, ổn định. Kiểm soát các hoạt động hỗ trợ tài chính lành mạnh, an toàn.
- **Kết quả hoạt động:** Hoạt động môi giới vẫn là hoạt động mang lại doanh thu lớn cho VIS trong năm 2023 đạt 17,898 tỷ đồng, tổng giá trị giao dịch của VIS trong năm 2023 xấp xỉ 12.827 tỷ đồng, tương đương giá trị giao dịch 50,3 tỷ đồng/ngày giao dịch, chiếm 0,15% thị phần môi giới của toàn thị trường.
- ❖ **Hoạt động hỗ trợ tài chính:** Doanh thu từ hoạt động hỗ trợ tài chính đạt 15,117 tỷ đồng chiếm 20,22% tổng doanh thu, giảm gần 34% so với năm 2022.
- ❖ **Hoạt động tư vấn và ngân hàng đầu tư:** Trong năm 2023, VIS tiếp tục tập trung vào các nghiệp vụ tư vấn M&A, tư vấn và đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp và các dịch vụ giá trị cao khác. Doanh thu ròng từ hoạt động tư vấn của toàn Công ty đạt 37,449 tỷ đồng (chiếm 50,08% tổng doanh thu).

❖ Hoạt động công nghệ thông tin:

- Năm 2023: VIS đã hoàn tất kết nối và triển khai tính năng giao dịch Trái phiếu riêng lẻ. Hoàn tất các test case đúng tiến độ của Sở cho hệ thống KRX. Đảm bảo hoạt động Core hiện tại vận hành ổn định và đáp ứng với hoạt động kinh doanh của VIS.
- Dự tính cho năm 2024: Kế hoạch Golive core KRX theo tiến độ của Sở. Triển khai kết nối thanh toán với BIDV. Triển khai kết nối thanh toán trái phiếu chính phủ
- ❖ **Hoạt động nhân sự đào tạo:** Tính đến 31/12/2023, tổng số CBNV của VIS đạt 70 người. Nhân sự của VIS tăng 02 nhân sự trong năm qua
- ❖ **Hoạt động quản trị rủi ro:**
 - Kiểm soát được rủi ro tín dụng và rủi ro thị trường giao dịch cổ phiếu, không để xảy ra nợ xấu trong hoạt động cho vay margin.
 - Thực hiện báo cáo nội bộ và với các cơ quan chức năng đầy đủ theo quy định.
 - Theo dõi, giám sát báo cáo, dự báo liên tục trong các hoạt động của mảng Môi giới.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	% thực hiện so với kế hoạch năm
1	Tổng Doanh thu	183.007	74.774	40,86%
2	Tổng Chi phí	113.014	44.549	39,42%
3	Lợi nhuận trước thuế	75.434	30.226	40,07%
4	Vốn điều lệ	300.000	300.000	100%

Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2023

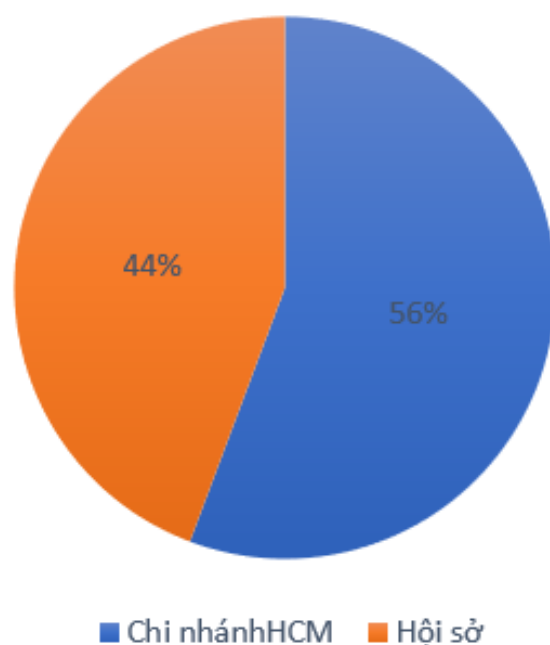
Trong bối cảnh sự khó khăn chung của thị trường chứng khoán trong năm 2023, mặc dù đã có sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, Ban điều hành cũng như sự nỗ lực của toàn thể Cán bộ nhân viên, kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2023 của Công ty đã không đạt được kết quả mong đợi, không hoàn thành kế hoạch, các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận chỉ đạt được khoảng 40% so với kế hoạch đặt ra của năm 2023.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

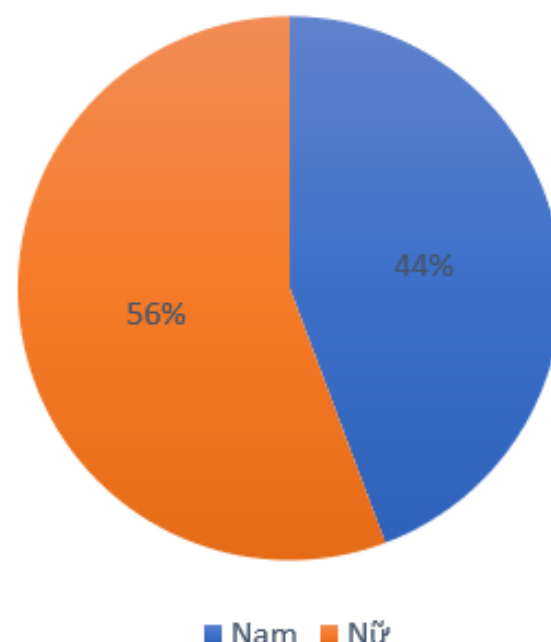
CƠ CẤU NHÂN SỰ

- **Tổng số lượng nhân sự của công ty là 70 người, trong đó:**
- + Cơ cấu theo địa bàn kinh doanh: có 31 nhân sự (chiếm 44%) tại Hội sở chính và 39 nhân sự (chiếm 56%) tại Chi nhánh Hồ Chí Minh.
- + Cơ cấu nhân sự theo giới tính: Có 31 Nam (chiếm 44%) và 39 Nữ (chiếm 56%)

Cơ cấu nhân sự theo địa bàn kinh doanh



Cơ cấu nhân sự theo giới tính



DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu VIS sở hữu	Tỷ lệ % sở hữu cổ phiếu VIS
1	Dương Kỳ Hiệp	Tổng Giám đốc	0	0
2	Vĩnh Bảo Quốc	Phó Tổng Giám đốc thường trực	0	0
3	Vũ Hoàng Minh	Phó Tổng Giám đốc	0	0
4	Trần Văn Toàn	Giám đốc chi nhánh	0	0
5	Nguyễn Quỳnh Mai	Kế toán trưởng	0	0

- **Chính sách tiền lương, phụ cấp và Bảo hiểm:**
 - + Về tiền lương: Công ty đã xây dựng quy chế lương nhằm đáp ứng cơ cấu tổ chức của Công ty, chính sách lương luôn đảm bảo sự khuyến khích đóng góp của người lao động, và phù hợp với quy định của pháp luật.
 - + Về phụ cấp và Bảo hiểm: Toàn bộ các nhân viên được Công ty ký kết hợp đồng lao động chính thức đều được hưởng các chế độ phụ cấp và BHXH, BHYT, BH thất nghiệp đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật.
- **Chính sách đào tạo:**

Công ty luôn duy trì chính sách đào tạo hàng năm nhằm nâng cao trình độ của cán bộ nhân viên. Hỗ trợ nguồn kinh phí cho cán bộ nhân viên theo học các khóa học do UBCKNN, do các Sở Giao dịch chứng khoán tổ chức.
- **Chế độ khen thưởng, phúc lợi:**

Được gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, cán bộ nhân viên được hưởng chế độ nghỉ mát, chế độ thưởng tại các dịp lễ, tết nhằm động viên khuyến khích người lao động.
- **Chế độ việc làm:**

Công ty luôn tuân thủ quy định về pháp luật lao động, như làm việc 8 giờ/ngày, nghỉ lễ, nghỉ phép, nghỉ ốm, nghỉ thai sản.

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Không có

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Tại thời điểm 31/12/2023 Công ty đang nắm giữ 1 khoản đầu tư tài chính lớn.

STT	Tên chứng khoán	Số lượng (trái phiếu)	Giá thị trường (VNĐ)
1	Công ty cổ phần Toàn Hải Vân	1.203.000	120.300.000.000

Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2023

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Không có



CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2023

KỶ NIỆM SINH NHẬT LẦN THỨ 17

Kỷ niệm sinh nhật lần thứ 17, VIS ghi nhận công lao của CBNV bằng giải thưởng và bằng khen "vinh danh CBNV gắn bó với VIS", CBNV có thành tích sắc xuất..., gắn kết mọi người bằng những trò chơi "kịch tính" với những phần quà vô cùng "chất", và cùng nhiều giải thưởng siêu hấp dẫn khác. Phải nói rằng, tiệc chúc mừng sinh nhật VIS diễn ra vô cùng ấm cúng và vui vẻ với sự góp mặt đầy đủ khách mời và toàn bộ nhân viên.



NOEL 2023 CÙNG VIS

Đại gia đình VIS đã có một mùa Noel ấm áp, cùng nhau chia sẻ các món quà ý nghĩa mà mỗi người đã tự chuẩn bị cho các thành viên còn lại.



ĐÀO TẠO NỘI BỘ

Trong năm 2023, VIS đã tổ chức được rất nhiều khóa đào tạo nội bộ để nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cũng như hoàn thiện các kỹ năng mềm cho các thành viên của VIS sẵn sàng hoàn thành tốt công việc. Ngoài ra, CBCNV cũng tham gia đầy đủ các khóa đào tạo, tập huấn, huấn luyện cập nhật các quy định mới của pháp luật liên quan đến lĩnh vực chứng khoán, quản trị công ty và lấy các chứng chỉ hành nghề chứng khoán.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	01/01/2023	31/12/2023	Tăng trưởng
1	Tổng tài sản	461.826	607.158	31,47%
2	Vốn chủ sở hữu	371.733	396.001	6,53%
3	Vốn điều lệ	300.000	300.000	0,00%

Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2023

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Tăng trưởng
1	Tổng Doanh thu	105.474	74.774	-29%
2	Tổng Chi phí	65.088	44.549	-32%
3	Tổng LN trước thuế	40.386	30.226	-25%
4	Lợi nhuận sau thuế	32.465	24.267	-25%
5	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	0%

Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2023

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	4,43	2,81
+ Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	4,43	2,81
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Tổng Nợ/Tổng tài sản	0,20	0,35
+ Tổng Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,24	0,53
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay tổng tài Sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	0,24	0,14
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	8,73%	6,13%
+ Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	7,03%	4,00%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	30,78%	32,45%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	57,06%	64,55%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

CỔ PHẦN

- **Tổng số cổ phần :** 30.000.000 cổ phần
- **Mệnh giá cổ phần :** 10.000 đồng
- **Loại cổ phần đang lưu hành :** 30.000.000 cổ phần phổ thông
- **Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do:** 30.000.000 cổ phần phổ thông
- **Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:** 0 cổ phần

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

- Cơ cấu cổ đông theo tỉ lệ sở hữu:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên	1	25.444.815	84,82%
2	Cổ đông nắm giữ từ 1% đến dưới 5%	3	2.783.759	9,28%
3	Cổ đông nắm giữ dưới 1%	80	1.771.426	5,90%
TỔNG CỘNG		84	30.000.000	100%

- Cơ cấu cổ đông theo vị trí địa lý:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Trong nước	83	29.997.500	99,99%
	Cá nhân	77	1.517.099	5,05%
	Tổ chức	06	28.480.401	94,94%
2	Nước ngoài	01	2.500	0,01%
	Cá nhân	01	2.500	0,01%
	Tổ chức	0	0	0,00%
TỔNG CỘNG		84	30.000.000	100%

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Lần	Thời gian hoàn thành	Vốn điều lệ tăng thêm (1.000 VND)	Vốn điều lệ sau phát hành (1.000 VND)	Hình thức phát hành
1	15/09/2014		60.000.000	Thành lập Công ty
2	20/10/2016	90.000.000	150.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu
3	02/11/2021	150.000.000	300.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Trong năm 2023 VIS không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TIÊU THỤ NGUỒN NƯỚC

Do đặc thù là công ty cung cấp dịch vụ nên Công ty không sử dụng nhiều điện, nước như các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực khác như sản xuất, chế biến... Tuy vậy, Công ty luôn gắn kết mục tiêu bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh với việc nâng cao nhận thức của cán bộ, nhân viên trong việc bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng và tài nguyên nước.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Số lần bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: **Không có**

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Xem phần Tổ chức nhân sự: trang 20

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

- Tích cực tham gia các chương trình kêu gọi thành lập các quỹ cứu trợ dành cho các cá nhân có hoàn cảnh khó khăn, đồng bào vùng cao và các vùng bị thiên tai do công đoàn địa phương tổ chức.
- Cung cấp các chương trình thực tập dành cho các sinh viên mới ra trường, đào tạo và trao cơ hội việc làm cho những sinh viên thực sự có khả năng và có tố chất.
- Tích cực tham gia các chương trình hội thảo, tập huấn do các cơ quan chức năng tổ chức như UBCKNN, HNX, HOSE, cơ quan thuế, BHXH, ...

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Không phát sinh

MỘT SỐ HÌNH ẢNH CÂY XANH VĂN PHÒNG CỦA VIS (HCM)





PHẦN 3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

PHÂN TÍCH TỔNG QUAN

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Tăng trưởng
1	Tổng Doanh thu	105.474	74.774	-29%
2	Tổng Chi phí	65.088	44.549	-32%
3	Lợi nhuận trước thuế	40.386	30.226	-25%
4	Lợi nhuận sau thuế	32.465	24.267	-25%

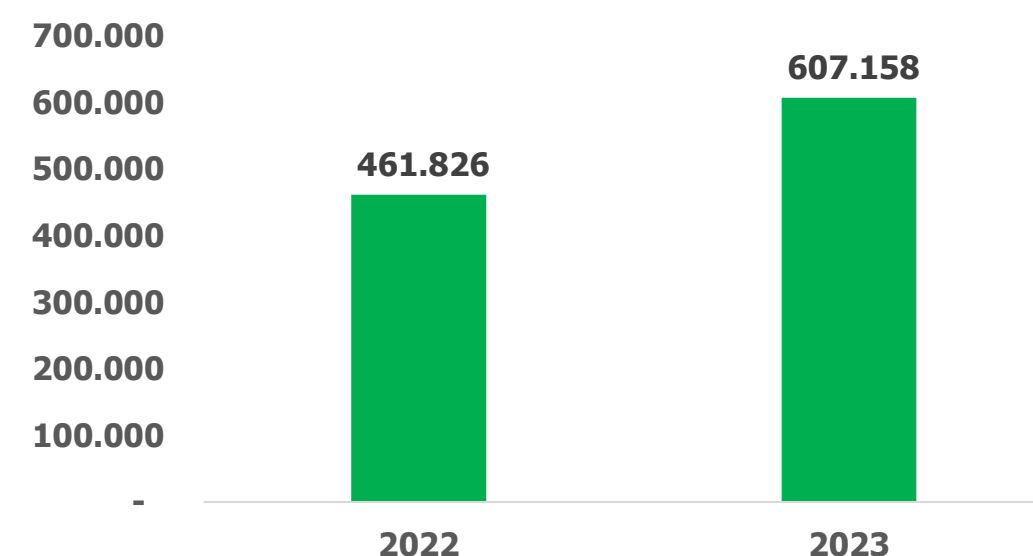
Năm 2023 với bối cảnh kinh tế thế giới và khu vực có nhiều biến động phức tạp và khó lường, tác động sâu sắc đến tình hình kinh tế - tài chính Việt Nam. Mặc dù đã có nhiều chính sách hỗ trợ từ Chính phủ nhưng thị trường chứng khoán vẫn còn nhiều khó khăn. Mặc dù đã có nhiều nỗ lực nhưng kết quả hoạt động kinh doanh của VIS không như mong đợi. Các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận đều thấp hơn so với năm 2022.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Tổng tài sản của Công ty đạt 607 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2023, tăng 31,47% so với cùng kỳ năm 2022, chủ yếu đến từ sự gia tăng các khoản tài sản tài chính ngắn hạn. Các khoản mục tài sản còn lại không có nhiều sự thay đổi so với năm 2022.

ĐVT: triệu đồng



TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Hiện tại, ngoài nguồn vốn chủ sở hữu phục vụ cho hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, VIS chỉ phát sinh quan hệ tín dụng với NHTMCP Phương Đông (OCB). Số dư nợ tại OCB vào thời điểm cuối năm 2023 là 182 tỷ đồng, cao hơn 127 tỷ đồng so với số dư nợ 55 tỷ đồng vào thời điểm cuối năm 2022. Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2023 đạt 396 tỷ đồng, chiếm 65%/Tổng nguồn vốn.

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ phải trả quá hạn nào, bao gồm cả các khoản nợ thanh toán đến hạn với các cơ quan Nhà nước như: BHXH, BHYT, Thuế, các Sở giao dịch chứng khoán và VSDC... Công ty luôn tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm với cộng đồng, với các cơ quan quản lý Nhà nước, các đối tác và bạn hàng trong quan hệ kinh doanh và hợp tác.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Quản lý nhân sự, tập trung vào nâng cao vai trò và giá trị của bộ máy nhân sự kinh doanh. Tuyển dụng và đào tạo các thể hệ kế cận nhân sự trẻ, tâm huyết và có trách nhiệm. Chính sách quản lý và kinh doanh của Công ty hướng tới các mục tiêu phát triển kinh doanh: Ổn định, bền vững, an toàn và nâng cao nhận thức về đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ nhân sự, bao gồm và không giới hạn: Ban Tổng giám đốc, các vị trí quản lý cấp trung và đội ngũ nhân sự kinh doanh, Môi giới... Bên cạnh đó, Công ty tập trung đầu tư và phát triển các tiện ích, công cụ giao dịch trực tuyến nhằm gia tăng lợi thế cạnh tranh, tăng lợi ích giao dịch cho nhà đầu tư và góp phần giảm thiểu các chi phí hoạt động liên quan.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Cùng với sự phát triển của công nghệ và TTCKVN, trong thời gian tới, Công ty định hướng mục tiêu phát triển theo các tiêu chí cốt lõi:

- Đẩy mạnh phát triển hoạt động bán lẻ và IB, bao gồm:
 - + Dịch vụ tài chính;
 - + Môi giới và tư vấn đầu tư chứng khoán;
 - + Tư vấn ngân hàng đầu tư (IB).
 - + Các dịch vụ chứng khoán khác
- Tiếp tục củng cố năng lực Quản Trị Rủi Ro nhằm mục đích đưa hoạt động Môi giới và GDKQ theo hướng an toàn, bền vững.
- Thị phần môi giới chiếm khoảng 1% toàn thị trường.
- Kích hoạt lại tài khoản khách hàng hiện hữu, mở rộng thêm khách hàng mới thông qua các chính sách sản phẩm có tính cạnh tranh, đa dạng hóa kênh bán hàng.
- Phát triển Nghiệp vụ Tư vấn, xây dựng cơ sở dữ liệu khách hàng.
- Phát triển nhân sự để đáp ứng yêu cầu phát triển trong tương lai.
- Nâng cấp/thay đổi và đưa vào vận hành cơ sở hạ tầng CNTT, các tiện ích giao dịch trực tuyến, đáp ứng được việc quản lý rủi ro tự động hóa.
- Số hóa hệ thống quản trị - điều hành, kinh doanh nhằm tiết giảm chi phí quản lý và tăng cường hiệu quả trong công tác quản trị - điều hành.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Chứng khoán – Tài chính, Công ty luôn ý thức và nhận định việc bảo vệ môi trường nhằm bảo vệ sức khỏe cho người lao động, khách hàng và cộng đồng xã hội. Công ty luôn chú trọng đến việc tiết kiệm tiêu thụ điện năng thông qua việc định kỳ kiểm tra, bảo trì bảo dưỡng hệ thống Máy móc thiết bị và thay thế ngay khi cần thiết.

Đối với quyền lợi chính đáng và hợp pháp của người lao động, Công ty cũng luôn chú trọng thông qua việc tuân thủ đầy đủ các quy định về BHXH, BHYT, BHTN và có những chính sách về phúc lợi dành cho người lao động phù hợp với thực tế hoạt động. Công ty luôn xác định “Con người là chủ thể của mọi hoạt động kinh doanh - Nhân lực là nền tảng của sự phát triển”, do đó, Công ty xây dựng các chính sách về lương, thưởng phù hợp với thực tiễn kinh doanh theo xu hướng tăng dần qua từng thời kỳ, quan tâm đến đời sống tinh thần và sức khỏe của đội ngũ CBNV thông qua việc khám sức khỏe định kỳ, tổ chức nghỉ dưỡng, tham quan, du lịch cho CBNV hàng năm. Qua đó, góp phần tạo sự đoàn kết, gắn bó của đội ngũ nhân sự, đồng lòng, chung sức vì mục tiêu chung của Công ty và của cộng đồng ngành Chứng khoán.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có



PHẦN 4

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Với những bất lợi từ thị trường, VIS vẫn duy trì hoạt động kinh doanh song song đảm bảo vận hành ổn định và nâng cao công tác quản trị rủi ro, xây dựng nền tảng ổn định. Các mảng hoạt động môi giới, kinh doanh trái phiếu không đạt lợi nhuận như kế hoạch đề ra do tình hình khó khăn chung của ngành và điều kiện kinh doanh trái phiếu bị giới hạn. Tuy nhiên các khối kinh doanh đã xây dựng đội ngũ phát triển kinh doanh, mở ra các mảng kinh doanh mới và củng cố nguồn lực nhân sự cho tương lai.

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2022	% TH 2023/ KH 2023	% tăng trưởng so với 2022
Tổng doanh thu công ty	74.774	183.007	105.474	40,86%	70,89%
Tổng chi phí công ty	44.549	107.573	65.088	41,41%	68,44%
Tổng lợi nhuận trước thuế	30.226	75.434	40.386	40,07%	74,84%
Vốn điều lệ	300.000	300.000	300.000		

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- HĐQT thường xuyên chỉ đạo Ban điều hành Công ty về các vấn đề liên quan đến các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty, đưa ra chủ trương, quyết sách kịp thời phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Công ty, hoàn cảnh kinh tế và TTCK, đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật;
- Ban TGD đã tiếp nhận chỉ đạo và có những biện pháp triển khai nhiệm vụ mà HĐQT giao phó, thường xuyên cập nhật tình hình hoạt động Công ty qua báo cáo trực tiếp và báo cáo bằng văn bản định kỳ;
- Hoạt động Môi giới và Dịch vụ tài chính được ưu tiên phát triển theo hướng bền vững, quản trị được rủi ro, đảm bảo duy trì thị phần giao dịch;
- Hoạt động Ngân hàng đầu tư dần đi vào ổn định, có sự tăng trưởng tích cực về cả doanh thu và lợi nhuận, tạo cơ sở khách hàng nền móng cho sự phát triển trong tương lai.
- Ban TGD tiếp tục xây dựng và ban hành hệ thống văn bản pháp quy, quy chế, quy trình, quy định, tạo điều kiện cho các hoạt động kinh doanh diễn ra đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Với mục tiêu phát triển VIS trở thành Công ty chuyên cung cấp các dịch vụ chứng khoán chuyên biệt cho khách hàng cá nhân và tận dụng tốt các cơ hội kinh doanh của thị trường, năm 2024 HĐQT tập trung triển khai các hoạt động sau:

- Tiếp tục mở rộng thị phần môi giới và cho vay margin trên nền tảng đảm bảo an toàn và kiểm soát rủi ro. Tập trung phát triển chuyên sâu và nâng cao theo mô hình Ngân hàng đầu tư, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tài chính giá trị cao;
- Đẩy mạnh thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh, tăng cường năng lực tài chính để hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2024, với mục tiêu Lợi nhuận trước thuế đạt 78,501 tỷ (tăng trưởng 160% YoY);
- Tiếp tục tái cấu trúc và cải tổ toàn bộ hoạt động VIS ở các mảng trọng điểm:
 - Tập trung phát triển hoạt động dịch vụ môi giới chuyên biệt, mở rộng kênh bán hàng, phát triển các sản phẩm và tiện ích mới nhằm đa dạng hóa các dịch vụ tài chính.
 - Đẩy mạnh số hóa và chuyển đổi số để tiếp cận khách hàng, tạo ra những cơ hội, doanh thu và giá trị mới cao hơn, hiệu quả hơn;
 - Phát triển hoạt động tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành, tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp/thoái vốn/chào bán cổ phần/niêm yết cổ phiếu đại chúng, hoạt động tự doanh; M&A.
 - Khai thác tối đa các lợi thế sẵn có, kết hợp triển khai cung cấp đa loại hình dịch vụ cho cùng một tệp khách hàng (tư vấn – đầu tư – thu xếp công cụ tài chính – (các) dịch vụ môi giới);
 - Công tác quản trị rủi ro: rà soát và hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro, nâng cao hiệu quả giám sát, kiểm soát đối với tất cả các mặt hoạt động của Công ty;
 - Công tác nhân sự: tập trung tuyển dụng, đào tạo nhân sự tốt bổ sung cho các mảng hoạt động kinh doanh còn thiếu, tập trung vào mảng môi giới, đồng thời rà soát lại chính sách đãi ngộ để tạo động lực giữ và phát triển nhân lực.



PHẦN 5 QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng cổ phần VIS sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần VIS
1	Ông Võ Quang Long	Chủ tịch HĐQT	0	0%
2	Ông Nguyễn Thanh Tuyền	Phó chủ tịch HĐQT	0	0%
3	Ông Cao Quế Lâm	Thành viên HĐQT	0	0%

CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

Hội đồng đầu tư

Hội đồng đầu tư được thành lập theo quyết định của HĐQT, nhằm phụ trách các vấn đề liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh của VIS.

Hội đồng đầu tư gồm có 03 thành viên. Bao gồm 02 thành viên Hội đồng quản trị và 01 thành viên Ban điều hành.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng cổ phần VIS sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần VIS
1	Ông Võ Quang Long	Chủ tịch HĐQT	0	0
2	Ông Nguyễn Thanh Tuyền	Thành viên HĐQT	0	0
3	Ông Dương Kỳ Hiệp	Thành viên HĐQT	0	0

Trong năm 2023, Hội đồng đầu tư họp định kỳ, thường xuyên và liên tục, giám sát hoạt động đầu tư của VIS, các hành động, quyết định của HĐQT luôn đảm bảo phù hợp với mục tiêu chiến lược đã được HĐQT đề ra.

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức 18 cuộc họp, thông qua những quyết định quan trọng để định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2023/NQ-VIS-HĐQT	06/01/2023	Thông qua mua trái phiếu CTCP BĐS Hướng Việt	100%
2	02/2023/NQ-VIS-HĐQT	09/01/2023	Thông qua mua trái phiếu CTCP Đầu tư BĐS Sơn Kim	100%
3	02A/2023/NQ-VIS-HĐQT	09/01/2023	Thông qua bán trái phiếu CTCP Đầu tư BĐS Sơn Kim	100%
4	03/2023/NQ-VIS-HĐQT	10/01/2023	Thông qua hạn mức đầu tư trái phiếu doanh nghiệp năm 2023	100%
5	04/2023/NQ-VIS-HĐQT	10/01/2023	Thông qua mua trái phiếu CTCP Đầu tư và Kinh doanh Golf Long Thành	100%
6	05/2023/NQ-VIS-HĐQT	10/01/2023	Thông qua mua trái phiếu CT TNHH Đầu tư và Phát triển đô thị ĐẮK LẮK	100%
7	06/2023/NQ-VIS-HĐQT	10/01/2023	Thông qua giao dịch bán trái phiếu CTCP Đầu tư và Kinh doanh Golf Long Thành	100%
8	07/2023/NQ-VIS-HĐQT	10/01/2023	Thông qua giao dịch bán trái phiếu CT TNHH Đầu tư và Phát triển đô thị ĐẮK LẮK	100%
9	08/2023/NQ-VIS-HĐQT	30/01/2023	Thông qua mua trái phiếu CTCP Toàn Hải Vân	100%
10	09/2023/NQ-VIS-HĐQT	10/02/2023	Thông qua bán trái phiếu CTCP Đầu tư - Phát triển đô thị Ân Phú	100%
11	10/2023/NQ-VIS-HĐQT	13/02/2023	Thông qua mua trái phiếu CTCP Toàn Hải Vân	100%
12	11/2023/NQ-VIS-HĐQT	22/02/2023	Thông qua mua trái phiếu CTCP Hưng Thịnh Land	100%
13	12/2023/NQ-VIS-HĐQT	22/02/2023	Thông qua bán trái phiếu CTCP Hưng Thịnh Land	100%
14	13/2023/NQ-VIS-HĐQT	24/02/2023	Thông qua mua trái phiếu CTCP Đầu tư và Kinh doanh Golf Long Thành	100%
15	14/2023/NQ-VIS-HĐQT	24/02/2023	Thông qua bán trái phiếu CTCP Đầu tư và Kinh doanh Golf Long Thành	100%
16	15/2023/NQ-VIS-HĐQT	07/03/2023	Kế hoạch tổ chức họp ĐHCĐ thường niên 2023	100%
17	16/2023/NQ-VIS-HĐQT	13/03/2023	Hạn mức tín dụng với Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB)	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT (tiếp theo)

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
18	17/2023/NQ-VIS-HĐQT	04/04/2023	Thông qua mua trái phiếu CTCP Toàn Hải Vân	100%
19	18/2023/NQ-VIS-HĐQT	04/04/2023	Thông qua bán trái phiếu CTCP Toàn Hải Vân	100%
20	19/NQ-HĐQT/2023	24/04/2023	Thông qua việc góp vốn thành lập CTCP Quản lý quỹ Doanh Việt	100%
21	20/2023/NQ-VIS-HĐQT	27/04/2023	Bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị	100%
22	21/2023/NQ-VIS-HĐQT	27/04/2023	Ban hành điều lệ sửa đổi	100%
23	22/2023/NQ-VIS-HĐQT	08/05/2023	Thông qua mua trái phiếu CTCP Toàn Hải Vân	100%
24	23/2023/NQ-VIS-HĐQT	08/05/2023	Thông qua bán trái phiếu CTCP Toàn Hải Vân	100%
25	24/2023/NQ-VIS-HĐQT	15/05/2023	Hạn mức và phương án đầu tư kinh doanh trái phiếu.	100%
26	25/2023/NQ-VIS-HĐQT	23/06/2023	Thông qua phương án đầu tư kinh doanh TP-bổ sung trái phiếu vào danh mục	100%
27	26/2023/NQ-VIS-HĐQT	23/06/2023	Thông qua phương án đầu tư kinh doanh TP-bổ sung trái phiếu vào danh mục	100%
28	01/2023/VIS-QĐBN	17/07/2023	Bổ nhiệm Tổng giám đốc	100%
29	02/2023/VIS-QĐBN	17/07/2023	Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc	100%
30	27/2023/NQ-VIS-HĐQT	21/07/2023	Tăng hạn mức trái phiếu do CTCP Toàn Hải Vân phát hành lên 250 tỷ đồng	100%
31	03/2023/VIS-QĐBN	08/08/2023	Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc	100%
32	28/2023/NQ-VIS-HĐQT	04/10/2023	Thông qua báo cáo kết quả kinh doanh 08 tháng đầu năm 2023	100%
33	29/2023/NQ-VIS-HĐQT	01/11/2023	Thông qua chi phí nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin	100%
34	30/2023/NQ-VIS-HĐQT	27/11/2023	Thanh lý hợp đồng hợp tác với bên liên quan	100%

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Thành viên HĐQT độc lập đã tham gia và đóng góp ý kiến của mình tại các cuộc họp của HĐQT mà thành viên tham dự.

Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm

Không có

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng cổ phần VIS sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần VIS
1	Ông Đào Duy Hải	Trưởng Ban kiểm soát	0	0
2	Ông Trần Bình Ổn	Thành viên Ban kiểm soát	0	0
3	Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Thành viên Ban kiểm soát	0	0

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2023, Ban Kiểm soát đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo quy định pháp luật:

- Thẩm định báo cáo tài chính định kỳ và thông báo trong các phiên họp của Hội đồng quản trị.
- Thực hiện các phiên họp định kỳ và bất thường, trao đổi việc giám sát hoạt động quản trị điều hành của Công ty.
- Thực hiện các đợt kiểm tra giám sát tuân thủ, giám sát tình hình hoạt động, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty.
- Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ Công ty và theo quy định của pháp luật hiện hành

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM TOÁN

- Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:
- + Tổng thù lao HĐQT, Ban kiểm soát và chi phí khác đã chi năm 2023 là: 432.000.000 đồng.
- + Chi phí khác cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2023: không phát sinh.
- Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có.
- Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có.
- Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: HĐQT, Ban tổng giám đốc đã thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị Công ty theo quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty





PHẦN 6

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
KIỂM TOÁN NĂM 2023**

BÁO CÁO CỦA HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Võ Quang Long	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 27/04/2023)
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 27/04/2023)
Ông Nguyễn Thanh Tuyền	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thanh Thủy	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27/04/2023)
Ông Cao Quế Lâm	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Dương Kỳ Hiệp	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hoàng Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vĩnh Bảo Quốc	Phó Tổng Giám đốc thường trực

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc,


Dương Kỳ Hiệp
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP



Công ty TNHH Kiểm toán An Việt

Tầng 12, tòa nhà 167 Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
W www.anvietcpa.com T (84-24) 6278 2904
E anviet@anvietcpa.com F (84-24) 6278 2905

Số: 60 /2024/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam ("gọi tắt là Công ty") được lập ngày 18/03/2024 và được trình bày từ trang 06 đến trang 34 bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính áp dụng cho công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.



Nguyễn Thương
Phó Tổng giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0308-2023-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2024

Tạ Thị Thắm
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 3676-2021-055-1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN QUỐC TẾ VIỆT NAM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

MẪU SỐ B01 - CTCK
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		591.812.802.779	396.662.329.755
I. Tài sản tài chính	110		590.280.684.088	394.511.992.142
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111		4.990.002.744	49.810.662.771
1.1. Tiền	111.1	5	4.990.002.744	49.810.662.771
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	7.1	124.926.775.347	193.303.525.347
3. Các khoản cho vay	114	7.2	381.213.401.300	121.229.290.110
4. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	9	(3.080.005.413)	(3.180.632.293)
5. Các khoản phải thu	117	10	49.316.262.461	34.614.265.678
5.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		31.988.632.920	31.320.660.340
5.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		17.327.629.541	3.293.605.338
5.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.2.4		17.327.629.541	3.293.605.338
6. Trả trước cho người bán	118		562.363.030	113.206.330
7. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119		1.449.450.076	1.527.671.692
8. Các khoản phải thu khác	122	11	36.581.030.622	1.170.920.430
9. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	8	(5.678.596.079)	(4.076.917.923)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		1.532.118.691	2.150.337.613
1. Tạm ứng	131		909.540.368	1.487.392.479
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	12	622.578.323	662.945.134
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		15.345.387.899	65.164.503.715
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		900.000.000	51.600.000.000
1. Các khoản phải thu dài hạn	211		-	50.700.000.000
2. Các khoản đầu tư	212		900.000.000	900.000.000
2.1. Đầu tư dài hạn khác	212.4		900.000.000	900.000.000
II. Tài sản cố định	220		4.199.713.383	4.591.702.205
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	2.506.169.403	2.901.610.244
- Nguyên giá	222		16.588.155.409	16.330.255.902
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(14.081.986.006)	(13.428.645.658)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	1.693.543.980	1.690.091.961
- Nguyên giá	228		15.299.714.990	14.849.714.990
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(13.606.171.010)	(13.159.623.029)
III. Tài sản dài hạn khác	250		10.245.674.516	8.972.801.510
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		636.246.219	642.956.099
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	12	988.987.695	1.687.020.360
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	254	13	8.620.440.602	6.642.825.051
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		607.158.190.678	461.826.833.470

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN QUỐC TẾ VIỆT NAM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

MẪU SỐ B01 - CTCK
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		211.157.156.009	90.093.148.452
I. Nợ ngắn hạn	310		210.629.529.427	89.565.521.870
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	17	182.000.000.000	55.000.000.000
3. Phải trả người bán ngắn hạn	320	16	16.432.554.596	16.440.968.234
4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		162.500.000	115.500.000
5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	18	2.947.912.029	5.691.833.624
6. Phải trả người lao động	323		2.392.232.585	3.522.884.404
7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		283.858.084	166.993.910
8. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	19	873.224.314	3.347.846.550
9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		226.461.396	286.461.396
10. Các khoản phải trả, phải nộp khác	329	20	5.279.600.847	4.928.948.176
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		31.185.576	64.085.576
II. Nợ phải trả dài hạn	340		527.626.582	527.626.582
1. Quỹ bảo vệ Nhà đầu tư	355		527.626.582	527.626.582
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		396.001.034.669	371.733.685.018
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	396.001.034.669	371.733.685.018
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		300.000.000.000	300.000.000.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		2.978.056.298	2.101.876.058
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		3.021.943.702	2.123.819.760
4. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		5.117.661.540	5.117.661.540
5. Lợi nhuận chưa phân phối	417		84.883.373.129	62.390.327.660
5.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		84.884.120.490	62.390.901.901
5.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		(747.361)	(574.241)
TỔNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		607.158.190.678	461.826.833.470

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Cổ phiếu đang lưu hành	006		30.000.000	30.000.000
2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	24.1	120.314.840.000	13.180.000
3. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009		1.380.000	1.380.000
4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	24.2	2.692.690.000	187.142.690.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	24.3	6.498.678.210.000	3.787.607.240.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		3.625.463.540.000	1.906.862.100.000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		49.049.020.000	51.810.650.000
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		2.447.727.510.000	1.806.895.720.000
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		40.000	40.000
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		376.438.100.000	22.038.730.000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	24.4	18.160.980.000	18.260.980.000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		11.110.980.000	11.160.980.000
b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		7.050.000.000	7.100.000.000
3. Tiền gửi của khách hàng	026		448.257.066.629	197.451.575.754
3.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027	24.5	84.117.531.709	155.184.989.304
3.2 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028	24.5	350.482.521.850	42.266.586.450
3.3 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030		13.657.013.070	-
4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	24.6	434.600.053.559	197.451.575.754
4.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		431.532.701.067	195.438.326.689
4.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		3.067.352.492	2.013.249.065
5. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		13.657.013.070	-

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

(Signature)

(Signature)



Nguyễn Thị Hương Ly

Nguyễn Quỳnh Mai

Dương Kỳ Hiệp



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MẪU SỐ B02 - CTCK
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	1		32.387.779.164	41.381.755.124
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	25	9.198.024.366	35.922.084.537
b. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	26	23.189.754.798	5.459.670.587
1.2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	3		15.116.795.913	22.893.973.082
1.3. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	6		17.898.724.217	26.876.031.129
1.4. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	9		2.636.329.343	2.896.011.815
1.5. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		3.037.000.000	5.805.418.182
1.6. Thu nhập hoạt động khác	11		2.024.499.631	4.009.431.003
Cộng doanh thu hoạt động	20		73.101.128.268	103.862.620.335
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		169.041.806	2.885.314.814
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	25	168.868.686	2.887.966.709
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2	27	173.120	(2.651.895)
2.2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24		1.500.878.156	1.710.276.196
2.3. Chi phí hoạt động tự doanh	26	28	-	26.880.000
2.4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	28	12.939.685.586	18.008.139.659
2.6. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	28	1.563.334.840	1.413.735.800
2.7. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	28	4.884.277.722	16.259.872.699
2.8. Chi phí các dịch vụ khác	32	28	3.775.051.857	3.379.196.478
Cộng chi phí hoạt động	40		24.832.269.967	43.683.415.646
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41		667.972.580	488.517.260
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		1.002.635.569	737.204.222
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		1.670.608.149	1.225.721.482
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		-	120.000
4.2. Chi phí lãi vay	52		1.407.606.575	4.832.536.985
Cộng chi phí tài chính	60		1.407.606.575	4.832.656.985
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		-	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	29	18.071.786.598	16.863.807.324
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	70		30.460.073.277	39.708.461.862

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MẪU SỐ B02 - CTCK
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1. Thu nhập khác	71		2.583.314	385.378.911
8.2. Chi phí khác	72		236.598.378	(292.310.271)
Cộng kết quả hoạt động khác	80		(234.015.064)	677.689.182
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	90		30.226.058.213	40.386.151.044
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		30.226.231.333	40.383.499.149
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		(173.120)	2.651.895
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		5.958.708.562	7.920.928.563
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	30	5.958.708.562	7.920.928.563
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	-
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	200		24.267.349.651	32.465.222.481
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500			
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	31	809	1.082

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hương Ly

Nguyễn Quỳnh Mai

Dương Kỳ Hiệp



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MẪU SỐ B03a - CTCK
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2023	Năm 2022
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	01	(5.044.166.658.622)	(11.894.475.798.920)
2. Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	02	4.862.493.089.294	11.830.948.609.862
3. Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	03	(1.703.096.646)	(2.258.527.792)
4. Cổ tức đã nhận	04	1.141.200	680.700
5. Tiền lãi đã thu	05	14.006.127.220	22.538.057.309
6. Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của CTCK	06	(1.359.288.767)	(4.846.098.629)
7. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	07	(13.484.282.892)	(29.881.597.567)
8. Tiền chi trả cho người lao động	08	(9.714.614.753)	(10.161.208.625)
9. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	09	(21.976.372.314)	(49.617.032.168)
10. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11	1.671.429.143.549	3.144.075.272.715
11. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	12	(1.626.165.391.089)	(2.965.077.547.596)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(170.640.203.820)	41.244.809.289
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	21	(1.180.456.207)	(934.903.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	22	-	47.727.272
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.180.456.207)	(887.175.728)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay gốc	33	1.148.300.000.000	440.000.000.000
1.1. Tiền vay khác	33.2	1.148.300.000.000	440.000.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.021.300.000.000)	(435.000.000.000)
2.1. Tiền chi trả gốc vay khác	34.3	(1.021.300.000.000)	(435.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	127.000.000.000	5.000.000.000
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm	50	(44.820.660.027)	45.357.633.561
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	49.810.662.771	4.453.029.210
Tiền	61	49.810.662.771	4.453.029.210
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	4.990.002.744	49.810.662.771
Tiền	71	4.990.002.744	49.810.662.771

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2023	Năm 2022
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	6.950.275.830.790	10.126.592.539.400
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(10.214.704.096.064)	(17.164.230.339.095)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	3.501.576.743.079	6.979.495.783.827
4. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	12	79.079.324.806	142.638.647.109
5. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	13	(65.422.311.736)	(142.836.753.459)
Tăng/giảm tiền thuần trong năm	20	250.805.490.875	(58.340.122.218)
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	197.451.575.754	255.791.697.972
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31	197.451.575.754	255.791.697.972
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	155.184.989.304	134.953.102.322
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	34	42.266.586.450	120.640.489.300
- Tiền gửi của tổ chức phát hành	35	-	198.106.350
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	40	448.257.066.629	197.451.575.754
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41	448.257.066.629	197.451.575.754
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	84.117.531.709	155.184.989.304
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43	350.482.521.850	42.266.586.450
- Tiền gửi của tổ chức phát hành	45	13.657.013.070	-

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hương Ly

Nguyễn Quỳnh Mai

Dương Kỳ Hiệp

BÁO CÁO BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MẪU SỐ B04 - CTCK
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
	Tại 01/01/2022	Tại 01/01/2023	Năm 2022		Năm 2023		Tại 31/12/2022	Tại 31/12/2023
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
I. Biến động vốn chủ sở hữu								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	850.028.064	2.101.876.058	1.251.847.994	-	876.180.240	-	2.101.876.058	2.978.056.298
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	871.971.766	2.123.819.760	1.251.847.994	-	898.123.942	-	2.123.819.760	3.021.943.702
4. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.117.661.540	5.117.661.540	-	-	-	-	5.117.661.540	5.117.661.540
5. Lợi nhuận chưa phân phối	32.428.801.167	62.390.327.660	32.465.222.481	2.503.695.988	24.267.522.771	1.774.477.302	62.390.327.660	84.883.373.129
5.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	32.432.027.303	62.390.901.901	32.462.570.586	2.503.695.988	24.267.522.771	1.774.304.182	62.390.901.901	84.884.120.490
5.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	(3.226.136)	(574.241)	2.651.895	-	-	173.120	(574.241)	(747.361)
Tổng cộng	339.268.462.537	371.733.685.018	34.968.918.469	2.503.695.988	26.041.826.953	1.774.477.302	371.733.685.018	396.001.034.669

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2024

Người lập

Nguyễn Thị Hương Ly

Kế toán trưởng

Nguyễn Quỳnh Mai

Tổng Giám đốc



Dương Kỳ Hiệp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 118/UBCK-GP ngày 15/09/2014 và Giấy phép điều chỉnh số 45/GPĐC-UBCK ngày 06/06/2023 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Địa chỉ liên hệ của Công ty:

Trụ sở chính: Tầng 3 - Số 59 Quang Trung - Phường Nguyễn Du - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh: Tầng 2 - Số 194 Nguyễn Công Trứ - Phường Nguyễn Thái Bình - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều lệ của Công ty: được ban hành ngày 15/09/2014 và sửa đổi lần 5 ngày 27/04/2023.

Số lượng lao động: Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 79 người (tại ngày 31/12/2022 là: 73 người).

Đặc điểm hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, bao gồm: Tư vấn đầu tư, môi giới chứng khoán, giao dịch ký quỹ, tự doanh chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán. Vốn điều lệ của Công ty là 300 tỷ đồng.

Hạn chế đầu tư của Công ty chứng khoán: được thực hiện theo quy định tại Điều 28 Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán

Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp, Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các qui định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán phản ánh số tiền của Công ty mở tại Ngân hàng chỉ định để sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD).

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh, hoặc các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL được trình bày theo giá gốc và được phản ánh theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty. Chênh lệch do đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí từ tài sản FVTPL trên Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phản bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực. Khi có bất kỳ bằng chứng nào về sự suy giảm giá trị của các khoản cho vay, Công ty sẽ ghi nhận khoản dự phòng về suy giảm giá trị khoản cho vay vào Báo cáo kết quả hoạt động.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là: Các khoản cho vay và các khoản phải thu, Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Đánh giá lại các khoản đầu tư theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý

Giá trị thị trường/giá trị hợp lý của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) thì giá thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tài chính gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) thì giá chứng khoán thực tế là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung (OTC) tại thời điểm gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện đánh giá lại.

Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp

Phản ánh dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, tài sản tài chính sẵn sàng để bán và dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp.

Khi có bất kỳ bằng chứng khách quan nào cho thấy sự giảm giá trị của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, Công ty phải xác định giá trị của bất kỳ khoản lỗ do suy giảm giá trị của nhóm tài sản tài chính này và ghi nhận dự phòng suy giảm giá trị của các tài sản tài chính.

Mức lập dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị tài sản thuần tính theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý và giá trị khoản cho vay tính theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý theo thỏa thuận hoặc cam kết tại Hợp đồng vay có tài sản thế chấp đã ghi nhận trên sổ kế toán tại ngày trích lập dự phòng.

Các khoản phải thu và Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

Các khoản phải thu phản ánh tổng giá trị các khoản phải thu về bán tài sản tài chính, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng phải thu, từng nội dung phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản trị của Công ty. Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu được trích lập phù hợp với quy định Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán và các quy định hiện hành về trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định được ghi nhận theo mô hình giá gốc trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
Máy móc thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08
Phần mềm máy tính	03 - 08

Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng hợp đồng vay, giấy nhận nợ, theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Nợ phải trả

Nợ phải trả bao gồm: phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản phải trả về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán.

Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả các tổ chức về mua các tài sản tài chính chưa niêm yết không qua các Sở Giao dịch chứng khoán; theo dõi thanh toán tại ngày T+0 của mua, bán tài sản tài chính qua các Sở Giao dịch chứng khoán và các khoản nợ phải trả cho nhà cung cấp vật tư, hàng hóa, dịch vụ theo hợp đồng kinh tế đã ký kết.

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về chi phí hoạt động của Công ty cho mục đích xác định đầy đủ chi phí hoạt động của kỳ kế toán do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: lãi tiền vay; chi phí giao dịch mua, bán các tài sản tài chính và chi phí hoạt động khác.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Doanh thu hoạt động

Doanh thu, thu nhập được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu được tiền.

Lãi/lỗ từ bán các tài sản tài chính

Được xác định trên cơ sở khoản chênh lệch giữa giá bán và giá vốn các tài sản tài chính.

Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính được ghi nhận khi Công ty có quyền được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập đối với các cổ phiếu trong danh mục tài sản tài chính của Công ty hình thành trước ngày không hưởng quyền và có Thông báo chia cổ tức của Tổ chức phát hành đã được xác lập. Cổ tức không được ghi nhận đối với các cổ phiếu giao dịch sau ngày không hưởng quyền. Đối với cổ phiếu thường chỉ ghi tăng số lượng cổ phiếu được hưởng mà không ghi tăng thu nhập.

Tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính của Công ty được ghi nhận trên cơ sở lãi dồn tích tính theo thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ kế toán.

Doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng

Doanh thu dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện ghi nhận doanh thu dịch vụ quy định tại Chuẩn mực Doanh thu.

Doanh thu đã thực hiện được xác định trên cơ sở doanh thu thuần: Doanh thu ban đầu đã giảm trừ các khoản giảm trừ doanh thu (Nếu có) phát sinh trong kỳ kế toán.

Doanh thu dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được xác nhận là hoàn thành trên cơ sở đã được khách hàng thanh toán ngay bằng tiền hay chấp nhận thanh toán hoặc cam kết sẽ thanh toán (Ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc các chứng từ liên quan khác) hoặc được khấu trừ vào tiền thu bán chứng khoán của khách hàng.

Doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng thực hiện trên các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán mà Công ty được cấp phép hoạt động.

Doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng bao gồm:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán;
- Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán;
- Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính;
- Và thu nhập từ một số hoạt động khác.

Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động phản ánh các khoản lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tư doanh và chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ.

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tư doanh phản ánh các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính FVTPL, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL, chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản tài chính thuộc Danh mục đầu tư tài sản tài chính, gồm: FVTPL, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay, tài sản sẵn sàng để bán và chi phí hoạt động tư doanh.

Chi phí hoạt động dung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí có liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ của Công ty, bao gồm:

- Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán;
- Chi phí nghiệp vụ tư vấn chứng khoán;
- Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán;
- Chi phí các dịch vụ tài chính khác;
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán.
- Chi phí các dịch vụ khác.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác.

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 32.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	259.746	259.746
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	4.989.742.998	49.810.403.025
Cộng	4.990.002.744	49.810.662.771

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm
	Cổ phiếu	VND
Của Công ty Chứng khoán		
- Cổ phiếu	100.000	1.598.000.000
- Trái phiếu	26.038.500	2.675.374.603.787
Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	770.054.266	12.823.401.111.910
- Chứng khoán khác	4.510.902	1.571.582.460

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

7.1. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	5.014.619	32.849.600	5.014.619	26.564.420
Khác	5.014.619	32.849.600	5.014.619	26.564.420
Cổ phiếu chưa niêm yết	4.621.160.728	4.621.160.728	4.621.160.728	4.621.160.728
Công ty cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông	119.150.000	119.150.000	119.150.000	119.150.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu xây dựng	4.500.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000
Khác	2.010.728	2.010.728	2.010.728	2.010.728
Trái phiếu	120.300.600.000	120.300.600.000	188.677.350.000	188.677.350.000
DBC	600.000	600.000	600.000	600.000
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	120.300.000.000	120.300.000.000	52.250.000.000	52.250.000.000
Công ty Cổ phần Tandoland	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Ấn Phú	-	-	52.991.500.000	52.991.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Hải Phát	-	-	46.235.250.000	46.235.250.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Hướng Việt	-	-	7.000.000.000	7.000.000.000
Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Land	-	-	200.000.000	200.000.000
Cộng	124.926.775.347	124.954.610.328	193.303.525.347	193.325.075.148

7.2. Các khoản phải thu và cho vay

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cho vay margin	116.961.199.116	115.726.896.484	115.901.563.691	114.667.261.059
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán (*)	262.210.442.835	262.210.442.835	3.285.967.070	3.285.967.070
Cho vay tài sản tài chính khác	2.041.759.349	196.803.929	2.041.759.349	96.003.929
Cộng	381.213.401.300	378.134.143.248	121.229.290.110	118.049.232.058

(*) Chủ yếu là khoản tiền 260,3 tỷ đồng ứng trước tiền bán chứng khoán của nhà đầu tư - Công ty Cổ phần Đầu tư HVR.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7.3. Về tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá thị trường hoặc theo giá trị ghi sổ (Đối với các khoản đầu tư không có giá trị thị trường) cuối năm

STT	Loại TSTC	Cơ sở lập dự phòng năm nay			Giá trị lập dự phòng năm nay	Giá trị lập dự phòng năm trước	Mức trích lập hoặc hoàn nhập năm nay
		Số lượng	Giá sổ sách kế toán	Giá thị trường tại thời điểm lập BCTC			
			VND	VND	VND	VND	VND
I	FVTPL	1.473.837	124.926.775.347	124.954.610.328	747.361	574.241	173.120
	Cổ phiếu niêm yết						
	Khác	1.484	5.014.619	32.849.600	747.361	574.241	173.120
	Cổ phiếu chưa niêm yết				-	-	-
	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông	119.150	119.150.000	119.150.000	-	-	-
	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu xây dựng	150.000	4.500.000.000	4.500.000.000	-	-	-
	Khác	197	2.010.728	2.010.728	-	-	-
	Trái phiếu	1.203.006	120.300.600.000	120.300.600.000	-	-	-
	DBC	6	600.000	600.000	-	-	-
	Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	1.203.000	120.300.000.000	120.300.000.000	-	-	-
II	TSTC cho vay		381.213.401.300	378.134.143.248	3.079.258.052	3.180.058.052	(100.800.000)
	Cộng		506.140.176.647	503.088.753.576	3.080.005.413	3.180.632.293	(100.626.880)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

Loại phải thu khó đòi	Thời gian quá hạn	Giá trị phải thu khó đòi tại 31/12/2023 VND	Số dự phòng đầu năm VND	Số trích lập trong năm VND	Số hoàn nhập trong năm VND	Số dự phòng cuối năm VND
Phải thu khác						
Bà Kiều Hồng Hỷ	2 - 3 năm	3.661.466.000	1.830.733.000	732.293.200	-	2.563.026.200
Bà Phan Thị Giang	2 - 2 năm	4.320.033.000	2.160.016.500	864.006.600	-	3.024.023.100
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp						
Các đối tượng khác	> 3 năm	91.546.779	86.168.423	5.378.356	-	91.546.779
Cộng		8.073.045.779	4.076.917.923	1.601.678.156	-	5.678.596.079

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Các tài sản tài chính FVTPL	747.361	574.241
- Cổ phiếu	747.361	574.241
Các khoản cho vay	3.079.258.052	3.180.058.052
Cộng	3.080.005.413	3.180.632.293

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải thu bán các tài sản tài chính	31.988.632.920	31.320.660.340
- Tổng công ty Cổ phần Khoan và dịch vụ Dầu khí (PVD) (*)	24.007.133.920	23.339.161.340
- Bà Phan Thị Giang	4.320.033.000	4.320.033.000
- Bà Kiều Hồng Hỷ	3.661.466.000	3.661.466.000
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	17.327.629.541	3.293.605.338
- Dự thu lãi cho vay Margin	5.067.482.926	3.261.057.393
- Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	12.260.146.615	32.547.945
Cộng	49.316.262.461	34.614.265.678

(*) Khoản phải thu theo hợp đồng chuyển nhượng quyền góp vốn của Công ty ngày 30/12/2008 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 25/04/2011 về việc chuyển nhượng quyền góp vốn dự án tòa nhà Sailing Tower 51 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 1, TP Hồ Chí Minh do Tổng Công ty xây dựng số 1 - CC1 là chủ đầu tư. Theo đó, PVD - bên mua, đồng ý nhận chuyển nhượng quyền góp vốn của VIS vào Dự án trên. Khi đó PVD sẽ được hưởng toàn bộ quyền và lợi ích của VIS theo hợp đồng hợp tác kinh doanh 2006 giữa VIS và Tổng công ty Xây dựng số 1 (CC1). Đến thời điểm 31/12/2023, PVD còn phải thanh toán cho VIS số tiền là 996.974 USD (tương đương 24.007.133.920 đồng), đồng thời VIS còn phải trả cho CC1 số tiền 16.418.319.982 đồng (xem Thuyết minh số 16). Các bên đã cam kết sau khi tòa nhà Sailing Tower được hoàn công và CC1 hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết để có đủ cơ sở chuyển nhượng quyền sở hữu diện tích tầng 4 tòa nhà Sailing Tower cho PVD thì VIS sẽ chuyển trả số tiền 16.418.319.982 đồng cho CC1, đồng thời VIS yêu cầu PVD thanh toán số tiền 996.974 USD cho VIS.

Theo biên bản làm việc ngày 11/09/2019 giữa Công ty và PVD, Công ty vẫn liên lạc và làm việc với CC1 để yêu cầu CC1 tích cực làm việc với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất các giấy tờ, thủ tục nêu trên. Tuy nhiên, do có phát sinh một số vướng mắc về mặt thủ tục và giấy tờ nên các thủ tục pháp lý vẫn chưa được hoàn tất dẫn đến việc Công ty và CC1 chưa thực hiện được cam kết trong hợp đồng đúng hạn. Do đó, PVD vẫn ghi nhận và tiếp tục sử dụng diện tích tòa nhà được bàn giao theo Hợp đồng, đồng thời đề nghị Công ty tiếp tục thực hiện các giải pháp cần thiết để PVD được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu diện tích Tòa nhà tương ứng theo quy định.

CC1 gửi công văn số 414/TCT-ĐT ngày 15/03/2021 về việc hoàn thành nghĩa vụ thanh toán Hợp đồng hợp tác kinh doanh đầu tư và chuyển giao một phần diện tích tòa nhà Sailing Tower năm 2006 giữa CC1 và VIS. Theo công văn nêu trên, CC1 sẽ ký kết hợp đồng cho thuê văn phòng đến hết vòng đời dự án với PVD đối với phần diện tích đã ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh sau khi VIS hoàn tất thanh toán công nợ với CC1, theo đó, PVD sẽ được toàn quyền sử dụng, chuyển nhượng, cho thuê lại ... đối với phần diện tích nêu trên mà không lệ thuộc vào việc cấp Giấy chứng nhận. VIS và PVD đã có văn bản gửi CC1 yêu cầu CC1 xác minh lại số dư công nợ và hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan theo đúng cam kết và trách nhiệm của các bên. Đến thời điểm hiện tại VIS vẫn đang tiếp tục làm việc với PVD và CC1 để giải quyết vấn đề nêu trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Tây Ninh (Bên liên quan) (*)	35.700.000.000	-
Phải thu khác	881.030.622	1.170.920.430
Cộng	36.581.030.622	1.170.920.430

(*) Là khoản tiền còn lại phải thu hồi của Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Tây Ninh (Indeco) theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01112016/HĐHTĐT ngày 01/11/2016 và các phụ lục hợp đồng về việc đầu tư dự án Cao ốc văn phòng làm việc tại địa chỉ số 120 Hai Bà Trưng, phường Đakao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam thỏa thuận tham gia góp 13,45% tổng vốn đầu tư của dự án tương ứng với số tiền là 50,7 tỷ đồng, khi dự án hoàn thành Công ty sẽ được chuyển nhượng 13,45% diện tích của dự án để làm trụ sở mà không phải thanh toán bất kỳ một khoản tiền thuê nào khác. Thời hạn của dự án là 48 tháng kể từ ngày khởi công (đến năm 2021) và đã được các bên ký thỏa thuận gia hạn đến tháng 11/2024.

Tuy nhiên, do các vướng mắc khách quan trong triển khai các thủ tục pháp lý nên Indeco chưa đủ điều kiện chuyển nhượng 13,45% diện tích của dự án vào tháng 11/2024 cho Công ty, do đó ngày 27/11/2023 hai bên đã có biên bản làm việc thống nhất chấm dứt thực hiện hợp đồng và các phụ lục hợp đồng hợp tác đầu tư số 01112016/HĐHTĐT ngày 01/11/2016 Indeco có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số tiền 50.700.000.000 đồng mà Công ty đã chuyển cho Indeco trong thời hạn trước 27/04/2024. Công ty đã nhận được thanh toán lần 1 và lần 2 với số tiền 15 tỷ đồng. Ban Tổng Giám đốc đánh giá không có bất kỳ khoản tổn thất tài chính nào liên quan đến số dư còn lại phải thu hồi của khoản hợp tác đầu tư nói trên cũng như không cần trích lập dự phòng đối với khoản phải thu này trên báo cáo tài chính năm 2023.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	622.578.323	662.945.134
Tiền thuê văn phòng	84.395.785	84.395.785
Chi phí bảo trì phần mềm	389.537.500	389.537.500
Các khoản khác	148.645.038	189.011.849
Dài hạn	988.987.695	1.687.020.360
Công cụ dụng cụ	625.183.767	792.593.779
Các khoản khác	363.803.928	894.426.581
Cộng	1.611.566.018	2.349.965.494

13. TIỀN NỢ QUY HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	7.538.420.910	5.835.324.264
Tiền lãi đã phân bổ	962.019.692	687.500.787
Số dư cuối kỳ	8.620.440.602	6.642.825.051

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2023	16.330.255.902	16.330.255.902
Mua trong năm	257.899.507	257.899.507
Tại ngày 31/12/2023	16.588.155.409	16.588.155.409
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2023	13.428.645.658	13.428.645.658
Khấu hao trong năm	653.340.348	653.340.348
Tại ngày 31/12/2023	14.081.986.006	14.081.986.006
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2023	2.901.610.244	2.901.610.244
Tại ngày 31/12/2023	2.506.169.403	2.506.169.403
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao đang sử dụng	11.939.652.924	11.939.652.924
Nguyên giá TSCĐ không sử dụng	70.057.350	70.057.350

15. TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2023	14.849.714.990	14.849.714.990
Mua trong năm	450.000.000	450.000.000
Tại ngày 31/12/2023	15.299.714.990	15.299.714.990
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2023	13.159.623.029	13.159.623.029
Khấu hao trong năm	446.547.981	446.547.981
Tại ngày 31/12/2023	13.606.171.010	13.606.171.010
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2023	1.690.091.961	1.690.091.961
Tại ngày 31/12/2023	1.693.543.980	1.693.543.980
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao đang sử dụng	10.962.703.140	10.962.703.140

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tổng công ty Xây dựng số 1 (*)	16.418.319.982	16.418.319.982
Phải trả nhà cung cấp khác	14.234.614	22.648.252
Cộng	16.432.554.596	16.440.968.234

(*) Khoản phải trả Tổng công ty Xây dựng số 1 (CC1) về việc hợp tác đầu tư và chuyển giao một phần diện tích tòa nhà Sailing Tower theo hợp đồng hợp tác kinh doanh năm 2006 (xem Thuyết minh số 10).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VAY NGẮN HẠN

	01/01/2023	Vay trong năm	Trả trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (*)	55.000.000.000	1.148.300.000.000	1.021.300.000.000	182.000.000.000
Cộng	55.000.000.000	1.148.300.000.000	1.021.300.000.000	182.000.000.000

(*) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phương Đông ("OCB") - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 0079/2023/HĐTD-OCB-DN ngày 23/03/2023. Hạn mức cho vay tối đa 200 tỷ đồng với thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích của khoản vay để bổ sung/bù đắp vốn lưu động kinh doanh tự doanh chứng khoán (trừ kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết), môi giới chứng khoán và các hoạt động khác liên quan đến chứng khoán phù hợp quy định pháp luật. Thời hạn và lãi suất của khoản vay được xác định theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo của khoản vay là cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam với giá trị đảm bảo là 301.176.826.300 đồng.

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	86.273.314	146.089.845	132.027.961	100.335.198
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.329.322.106	5.958.708.562	5.046.336.635	2.241.694.033
Thuế thu nhập cá nhân	4.276.238.204	13.121.352.262	16.791.707.668	605.882.798
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	5.691.833.624	19.230.150.669	21.974.072.264	2.947.912.029

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	129.687.671	81.369.863
Chi phí phải trả Sở giao dịch chứng khoán	413.569.873	309.549.236
Chi phí tư vấn phải trả	-	2.658.589.529
Các khoản khác	329.966.770	298.337.922
Cộng	873.224.314	3.347.846.550

20. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bà Phạm Thị Lan Hương	1.550.000.000	1.550.000.000
Phí môi giới cộng tác viên	306.652.494	461.485.922
Các khoản khác	3.422.948.353	2.917.462.254
Cộng	5.279.600.847	4.928.948.176

21. PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ VỀ DỊCH VỤ CHO CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải trả phí môi giới chứng khoán	417.835.829	41.116.532
Phải trả phí lưu ký chứng khoán	506.563.847	290.582.468
Các khoản phải trả khác	525.050.400	1.195.972.692
Cộng	1.449.450.076	1.527.671.692

22. PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải trả gốc margin	116.961.199.116	115.901.563.691
Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	262.210.442.835	3.285.967.070
- Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	262.210.442.835	3.285.967.070
- Phải trả lãi nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	-	-
Phải trả các khoản khác	2.041.759.349	2.041.759.349
Cộng	381.213.401.300	121.229.290.110



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2022	300.000.000.000	850.028.064	871.971.766	5.117.661.540	32.428.801.167	339.268.462.537
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	32.465.222.481	32.465.222.481
Phân phối lợi nhuận	-	1.251.847.994	1.251.847.994	-	(2.503.695.988)	-
Tại ngày 01/01/2023	300.000.000.000	2.101.876.058	2.123.819.760	5.117.661.540	62.390.327.660	371.733.685.018
Lãi trong năm	-	-	-	-	24.267.349.651	24.267.349.651
Phân phối lợi nhuận (*)	-	876.180.240	898.123.942	-	(1.774.304.182)	-
Tại ngày 31/12/2023	300.000.000.000	2.978.056.298	3.021.943.702	5.117.661.540	84.883.373.129	396.001.034.669

(*) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2023, chi tiết như sau:
Trích quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ 898.123.942 đồng, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ 876.180.240 đồng.

Chi tiết vốn chủ sở hữu:

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Hướng Việt	254.448.150.000	84,82%	254.448.150.000	84,82%
Các cổ đông khác	45.551.850.000	15,18%	45.551.850.000	15,18%
Cộng	300.000.000.000	100%	300.000.000.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. THUYẾT MINH MỘT SỐ CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

24.1. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	120.314.840.000	13.180.000
Cộng	120.314.840.000	13.180.000

24.2. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Cổ phiếu	2.692.090.000	2.692.090.000
Trái phiếu	600.000	184.450.600.000
Cộng	2.692.690.000	187.142.690.000

24.3. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	3.625.463.540.000	1.906.862.100.000
Tài sản TC giao dịch hạn chế chuyển nhượng	49.049.020.000	51.810.650.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	2.447.727.510.000	1.806.895.720.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	40.000	40.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	376.438.100.000	22.038.730.000
Cộng	6.498.678.210.000	3.787.607.240.000

24.4. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	11.110.980.000	11.160.980.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	7.050.000.000	7.100.000.000
Cộng	18.160.980.000	18.260.980.000

24.5. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	84.117.531.709	155.184.989.304
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	350.482.521.850	42.266.586.450
Cộng	434.600.053.559	197.451.575.754

24.6. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
- Của Nhà đầu tư trong nước	431.532.701.067	195.438.326.689
- Của Nhà đầu tư nước ngoài	3.067.352.492	2.013.249.065
Cộng	434.600.053.559	197.451.575.754



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. LÃI/LỖ BÁN CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL

	Số lượng bán	Giá bán VND	Tổng giá trị bán VND	Tổng giá vốn VND	Lãi/lỗ bán chứng khoán năm nay VND	Lãi/lỗ bán chứng khoán năm trước VND
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL			1.224.944.591.992	1.215.746.567.626	9.198.024.366	35.922.084.537
1. Cổ phiếu niêm yết			805.750.000	792.250.000	13.500.000	1.373.629.531
- OCB	50.000	16.115	805.750.000	792.250.000	13.500.000	921.748.251
- Các cổ phiếu khác	-	-	-	-	-	451.881.280
2. Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	-	-
3. Trái phiếu chưa niêm yết			1.224.138.841.992	1.214.954.317.626	9.184.524.366	34.548.455.006
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Golf Long Thành	1.004.000	102.778	103.189.269.479	103.146.737.596	42.531.883	4.223.654.919
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị ĐAKLAK	950.000	103.900	98.705.000.000	98.705.000.000	-	6.502.262.006
- Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Sơn Kim	125.000	102.120	12.764.958.904	12.764.920.000	38.904	8.604.154.782
- Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Đô thị Ấn Phú	500.000	107.710	53.854.794.521	52.991.500.000	863.294.521	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Hải Phát	2.550.000	104.558	266.623.078.082	263.455.780.822	3.167.297.260	-
- Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	5.282.000	102.793	542.951.038.497	538.426.659.826	4.524.378.671	4.123.541.764
- Công ty Cổ phần Tandoland	340.000	101.368	34.465.128.767	34.028.000.000	437.128.767	1.927.467.802
- Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Land	600.000	101.674	61.004.580.820	60.947.204.382	57.376.438	2.356.254.643
- Công ty Cổ phần Tập Đoàn Trường Thịnh	-	-	-	-	-	3.613.249.502
- Công ty Cổ phần Tập Đoàn FLC	-	-	-	-	-	1.593.480.397
- Các trái phiếu khác	495.000	102.184	50.580.992.922	50.488.515.000	92.477.922	1.604.389.191
Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL			150.894.211.644	151.063.080.330	(168.868.686)	(2.887.966.709)
1. Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	-	-	(389.011.524)
2. Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	-	-
3. Trái phiếu chưa niêm yết			150.894.211.644	151.063.080.330	(168.868.686)	(2.498.955.185)
- Công ty Cổ phần Tandoland	860.000	101.550	87.333.117.809	87.388.269.402	(55.151.593)	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Sơn Kim	119.000	101.484	12.076.543.835	12.174.810.928	(98.267.093)	-
- Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	515.000	99.970	51.484.550.000	51.500.000.000	(15.450.000)	-
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị ĐAKLAK	-	-	-	-	-	(2.236.775.336)
- Các trái phiếu khác	-	-	-	-	-	(262.179.849)
Cộng			1.375.838.803.636	1.366.809.647.956	9.029.155.680	33.034.117.828

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CỔ TỨC, TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Cổ tức	1.141.200	680.700
Lãi trái phiếu tự doanh	23.188.613.598	5.458.989.887
Cộng	23.189.754.798	5.459.670.587

27. CHÊNH LỆCH GIẢM ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL

Danh mục các loại tài sản tài chính FVTPL	31/12/2023	Giá thị trường hoặc Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại năm nay	Chênh lệch đánh giá lại năm trước	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán năm nay
	VND	VND	VND	VND	VND
Loại FVTPL	124.926.775.347	124.954.610.328	747.361	574.241	173.120
Cổ phiếu niêm yết	5.014.619	32.849.600	747.361	574.241	173.120
Cổ phiếu chưa niêm yết	4.621.160.728	4.621.160.728	-	-	-
Trái phiếu	120.300.600.000	120.300.600.000	-	-	-
Loại các khoản cho vay và phải thu	381.213.401.300	378.134.143.248	3.079.258.052	3.180.058.052	(100.800.000)
Cộng	506.140.176.647	503.088.753.576	3.080.005.413	3.180.632.293	(100.626.880)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - CTCK

28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CHỨNG KHOÁN

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí hoạt động tự doanh	-	26.880.000
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	12.939.685.586	18.008.139.659
- Chi phí tiền lương	3.176.732.231	2.946.595.909
- Các khoản trích theo lương	465.790.988	322.665.228
- Phí hoa hồng, môi giới	5.083.377.138	8.869.311.848
- Phí giao dịch chứng khoán môi giới	3.421.834.679	5.079.873.211
- Chi phí khác	791.950.550	789.693.463
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1.563.334.840	1.413.735.800
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	4.884.277.722	16.259.872.699
Chi phí các dịch vụ khác	3.775.051.857	3.379.196.478
Cộng	23.162.350.005	39.087.824.636

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí lương và các khoản khác	8.324.509.334	7.220.641.913
BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	874.660.256	561.731.712
Chi phí vật tư văn phòng	26.787.854	38.101.344
Chi phí công cụ, dụng cụ	458.909.497	376.769.099
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.099.888.329	996.066.030
Thuế, phí và lệ phí	847.408.207	1.438.277.006
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.646.301.417	5.395.141.012
Chi phí khác	793.321.704	837.079.208
Cộng	18.071.786.598	16.863.807.324

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	30.226.058.213	40.386.151.044
Các khoản điều chỉnh:	(432.515.402)	(1.035.508.231)
Trừ:	(669.113.780)	(1.035.508.231)
- Thu nhập từ cổ tức	(1.141.200)	(680.700)
- Chênh lệch đã tính thuế các năm trước	-	(546.310.271)
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại công nợ phải thu kỳ này	(667.972.580)	(488.517.260)
Cộng:	236.598.378	-
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	236.598.378	-
Thu nhập chịu thuế	29.793.542.811	39.350.642.813
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành	5.958.708.562	7.870.128.563
Thuế TNDN bổ sung các năm trước	-	50.800.000
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.958.708.562	7.920.928.563

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - CTCK

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	24.267.349.651	32.465.222.481
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	24.267.349.651	32.465.222.481
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	30.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	809	1.082

Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty chưa phân phối lợi nhuận năm 2023, theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 có thể được điều chỉnh, phụ thuộc vào việc trích các quỹ của Công ty từ lợi nhuận sau thuế sau khi được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên.

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các bên liên quan sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Hướng Việt (HVH)	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Tây Ninh	Công ty con của HVH
Công ty Cổ phần Gateway Thủ Thiêm	Công ty con của HVH

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong năm Công ty còn có giao dịch và số dư với các bên liên quan sau:

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Hướng Việt		
Phí quản lý cổ đông	5.000.000	5.000.000
Phí lưu ký	63.024.454	57.175.015
Phí môi giới chứng khoán	35.237.813	-
Phí chuyển khoản chứng khoán	300.000	-
Phí phong tỏa	6.363.637	-

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Hội đồng quản trị		575.834.500	614.539.500
Ông Võ Quang Long	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 27/04/2023)	64.800.000	43.200.000
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 27/04/2023)	36.000.000	108.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tuyển	Phó chủ tịch	64.800.000	43.200.000
Bà Nguyễn Thanh Thủy	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 27/04/2023)	14.400.000	43.200.000
Ông Cao Quốc Lâm	Thành viên	395.834.500	376.939.500
Ban Tổng giám đốc		2.680.639.171	2.418.707.514
Ông Dương Kỳ Hiệp	Tổng Giám đốc	1.057.034.000	885.880.322
Ông Vũ Hoàng Minh	Phó Tổng Giám đốc	810.457.700	736.495.684
Ông Vĩnh Bảo Quốc	Phó Tổng Giám đốc thường trực	813.147.471	796.331.508
Tổng		3.256.473.671	3.033.247.014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thu nhập của Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Đào Duy Hải	Trưởng Ban kiểm soát	50.400.000	43.200.000
Ông Trần Bình Ôn	Thành viên Ban kiểm soát	43.200.000	43.200.000
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Thành viên Ban kiểm soát	39.600.000	32.400.000
Cộng		133.200.000	118.800.000

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

[Signature]

[Signature]



Nguyễn Thị Hương Ly

Nguyễn Quỳnh Mai

Đương Kỳ Hiệp

